Số 9 NĂM THỨ NHẤT 1er Quinzaine Novembre 1926

安南雜誌

REVUE DE L'ANNAM

DEPOT LEGAL INDOCHINE N° 1933

AN-NAM TẠP-CHÍ

Mỗi tháng ra hai kỳ

AN-NAM TẠP-CHÍ REVUE DE L'ANNAM 安南雜誌

CHỦ NHÂN
TẢN-ĐÀ NGUYÊN-KHẮC-HIẾU

TÒA BÁO
HÀNG LỌNG GẦN GARE
50-52, Route Mandarine — HANOI

IMP. KIM-ĐỨC-GIANG
1926

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (60-70) Tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

MỤC-LỤC

1 — Xã-thuyết. — *Người An-nam, tình hữu ái.*
Dư-luận. — Sao cho Hương-hào ái-hữu hội chóng thành-lập ;
Đối cùng ý - kiến ông Song-Khê.

2 — Gia-đình. — *Nhời răn con của cụ Trần-danh-Án.*

3 — Văn-học. — *Hoà-bình phong-tục ký.*
Tạp-ký.
Văn-thơ.
Tiêu-diêu-du (tiểu-thuyết)

4 — Thời-sự. — *Một cụ Phan mới,*
Một lá thư của dân huyện Thanh-chương, tỉnh Nghệ-an.

. . . . . .

Bản-chí in ra mỗi tháng hai kỳ :

từ mồng 1 đến ngày 15 ; lại từ 16 đến 30 tây.

Giá đồng-niên, **4 $ 00** : Nửa năm, **2 $ 20** Mỗi số **0 $ 20**

Ngài nào có lòng yêu Bản-chí mà gửi mua một năm, hoặc nửa năm, xin gửi giả tiền trước, giúp cho Bản-chí về công việc hành động trong lúc ban đầu ; Bản-chí sẽ xin gửi theo những số sau.

Các phong - thư và mandats, xin gửi cho Bản - chí chủ - nhân *Nguyễn-Khắc-Hiếu* nhận lĩnh.

AN-NAM TẠP-CHÍ

DIRECTEUR-GÉRANT :
Nguyễn-Khắc-Hiếu

N° 9 NĂM THỨ NHẤT 1er Quinzaine Novembre 1926

AN-NAM TẠP-CHÍ

社說

XÃ-THUYẾT

NGƯỜI AN-NAM, TÌNH HỮU-ÁI

Xưa kia báo Hữu-thanh ra đời, lấy hữu-ái làm chủ-nghĩa, hô-hào cổ-động, rút lại không có công-trạng gì, đó thực là tội lỗi của những người có chức-việc trong tòa báo Hữu-thanh mà nhất là như tôi là người chủ-bút lúc ban đầu vậy. Báo Hữu-thanh khi xưa vô-trạng đã như thế, nay mà lại nói đến hữu-ái, chắc có nhiều người nghe lấy làm chán tai. Tuy vậy mà cái chủ-nghĩa hữu-ái thực rất cần cho quốc-dân An-nam ta, cho nên trong báo An-Nam không thể chán được mà không nói. Nay xin lại theo cái chủ-nghĩa hữu-ái của Hữu-thanh, nói về tình hữu-ái.

Ít lâu nay, trong quốc-dân ta đã nhiều người biết sự hữu-ái là cần, cho nên các hội ái-hữu thành lập đã lắm lắm; lại nhất là về việc cứu-tế dân bị lụt thời nam bắc đồng thanh, hội hát nọ, cuộc ban kia, cũng đủ tỏ cái lòng hữu-ái của người An-nam ta có khác hơn xưa vậy. Tuy vậy, cứ tĩnh tâm mà nghĩ, thời cái tình hữu-ái của người An-nam ta phần nhiều như chỉ mới biểu bạch ở những nơi công-chúng, mà hiếm thay thực-hiện trong những lúc bình-cư. Tôi nói đây, hoặc có chạm lòng những nhà làm việc hữu-ái chăng, song mà thực có như thế. Nay như một nơi công-chúng, nhà tây cao, đèn điện sáng, tiệc bầy cỗng-phẩm, người họp bắc nam, cái tình hữu-ái cuả người An-nam ta tưởng như kết giải đồng-tâm vậy. Vậy mà thử nghĩ như những ai trong tiệc đó, người là sĩ-hoạn, trong lúc bình-cư nơi lỵ-sở, đối với kẻ lưng đen khố rách, có hữu-ái được ít nhiều hay chăng? người là chủ ruộng, trong lúc bình-cư nơi trại-ấp, đối với kẻ cầy sâu cuốc bẫm, có hữu-ái được ít nhiều hay chăng? người là thầu-khoán, trong lúc bình-cư nơi doanh-tác, đối với kẻ khuân vôi vác đất, có hữu-ái được ít nhiều hay chăng? Thử đặt những câu hỏi như đó, mà cho những ai kia là

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

những hạng người ấy ngồi một mình mà tự giả nhời lấy, tưởng cũng ngượng-ngựu ngập-ngừng mà khó nói ra câu vậy. Than ôi, cái quang-cảnh tốt đẹp của người đời, chỉ là cái quang-cảnh ở mặt ngoài sân hát; trong thế-giới từ xưa thường vẫn thế, trách chi người nước Việt-Nam nhà!

Đó là cử một cái ví-dụ rất minh-bạch để ai nấy cùng rõ; còn như những sự kém hữu-ái mà làm cho ngăn-trở sự tiến bộ, xin lại kể như một hai điều:

Dân Trung-hoa đi ra ngoài, sự thương-mại có tiếng nhất thế-giới, chỉ là họ có lòng hữu-ái đối với nhau. Nghe rằng một người giầu có đối với một người nghèo, giúp vốn cho buôn bán làm ăn, nếu thua lỗ thời lại giúp cho một lần nữa; lại thua lỗ thời lại giúp cho một lần nữa; đến lần thứ ba lại giúp, nếu làm ăn lại thua lỗ thời là người ấy thật không đủ có tài buôn bán, thời từ đấy mới thôi. Bởi thế cho nên ta thường thấy có nhiều người khách sang bên ta, trước kia chỉ một cái hòm kẹo-cò phán-sớ đi bán rong, mà không mấy năm đã có một hiệu phở; người có hiệu phở, không mấy năm đã nổi lên một hiệu cao-lâu. Ấy dẫu là tại họ có tài buôn bán và tính kiên-nhẫn hơn người mình, song phần nhiều cũng nhờ ở đồng-bào họ có lòng hữu-ái mà cùng giúm-giúp cho nhau vậy. Người nước ta mà giúm-giúp cho nhau được như thế thời ít thấy. Tôi lại thấy có nhiều người nước mình, những người buôn-bán nhỏ vốn, đều nói truyện rằng: buôn-bán với người khách dễ hơn, là họ cho cất hàng về mà bán, cứ đến cuối năm mới tính sổ; như thế thời cũng như họ giúp vốn cho vậy. Bởi thế cho nên trong một hồi tẩy-chay hàng-hóa của người Tầu năm xưa, rút lại không có giá-trị gì, là cái lòng hữu-ái của người An-nam như đã có một phần trộm dấu thầm yêu với người khách. Như thế mà nào những các báo-văn diễn-thuyết còn mong cho nhau giầu, mong cho nhau khá, mong nhau những hợp-quần đoàn-thể để mong làm những việc kia khác, thời mong chi! — Tôi lại nhớ trong khi tôi làm việc báo Hữu-thanh, có một bài lai-cảo là của một ông kỹ-sư ở Hà-đông gửi đăng để cổ-động về việc lập hội chế tạo cơ-khí; khi ấy tôi đã có đăng bài văn ấy vào Hữu-thanh và lại có thêm nhời cổ-động của nhà báo, rút lại chẳng thấy có hiệu-quả gì. Nay nghĩ lại như một việc đó, không dám biết rằng cái tài-năng của mấy ông kỹ-sư ấy có thật đủ làm cái công-việc hùng-vĩ như thế, chăng; nhưng chỉ không thấy ai hưởng-ứng một chút nào, thời biết rằng cái lòng hữu-ái của quốc-dân đối với những người có tài lãnh-đạm đến như thế Như thế mà còn mong những sự văn-minh tiến-hóa thời mong chi! — Tôi lại nhớ có một người bạn, cũng là chủ ấp, từng có nói truyện rằng: « Làm nghề trại ấp này, nghĩ cũng không khác gì nghề cho vay lãi; mỗi đến kỳ thu lúa, thực cũng chỉ như đi bắt nợ vậy.» Lại nghe có nhiều người khác nói truyện rằng: tàn-nhẫn thời đến hạng chủ đồn-điền là nhất. Họ chỉ cho những người cầy ruộng của họ có thể được đủ ăn quanh năm mà xuốt đời làm đầy tớ cho họ; không những một mình làm đầy tớ mà cả nhà ổ vợ con đều xuốt đời làm đầy tớ họ; nếu có kỳ nào thiếu thóc thời đánh đập khổ-sở mà

công nợ lại tính lên. Cho nên những người nghèo khó đem thân đi làm với chủ ấp, chỉ xuốt đời đầy-tớ, xuốt đời công-nợ, mà xuốt đời vẫn là người mang ơn. Nghĩ như thế thời thực có quá hơn nghề cho vay lãi vậy. Như thế mà còn nói những sự tự-do bình-đẳng, thời nói chi! — Ôi! cái tình hữu-ái của người An-nam ta còn kém xa, cho nên con đường tiến-bộ của quốc-dân An-nam ta hãy còn bước thấp bước cao mà chỗ tới còn xa vậy.

Nghĩ như trong gia-đình, người là huynh-trưởng đối với hàng các em mà có lòng hữu-ái, thời phải tùy tài dậy bảo, tính đường gây-dựng cho mở mặt nên thân; chớ không phải là chỉ nuôi cho ấm no mà riêng để xuốt đời sai bảo, lại không phải là chỉ cứu-giúp cho trong khi túng nhỡ mà đã là ân huệ nặng-nề. Sự hữu-ái ở xã-hội, đứng vào cái địa-vị huynh-trưởng trong xã-hội, thời nên coi những kẻ ngu hèn đói rách như em trong một nhà, mà đem lòng hữu-ái cũng như thế. Như thế thời những kẻ ngu hèn đói rách đó mới có thể trông mong nhờ cậy mà tôn kính thân yêu, tôn làm đại-biểu, coi làm thượng-lưu vậy. Nếu chẳng thế mà chỉ một đôi khi nước lụt, ít nhiều tiền cứu-tế, tình hữu-ái tưởng cũng chưa lấy gì làm chứa-chan. Này hỡi ai là những người thượng-lưu đại-biểu trong quốc-dân, thử tĩnh xem các chốn thôn-quê, các nơi thành-thị, những kẻ chồng cầy vợ cấy mà ăn đói mặc rách đó, nhờ chúng ta những gì? những kẻ bán rau gánh phở mà kêu đêm rao sớm đó, nhờ chúng ta những gì? Hàng tây sang lắm thời ta mặc, cơm tây ngon lắm thời ta ăn, nhà tây cao lắm thời ta ở, ô-tô nhanh lắm thời ta đi, bao nhiêu những cái sung-sướng ở tân thời-đại, bán-khai phong-hội này, nhờ Đại-Pháp bảo-hộ khai-hóa mà chúng ta được hưởng-thụ như đó, những kẻ ngu hèn đói rách ở các nơi thành-thị thôn-quê kia tưởng đều không biết chi chi vậy. Tuy vậy mà những kẻ ngu hèn đói rách đó cứ vẫn phải coi chúng ta làm thượng-lưu, tôn chúng ta làm đại-biểu; giời bắt dại thời chúng phải dại, nhưng chúng ta nghĩ sao? Nếu chúng ta cũng đều vô học như những kẻ ngu hèn đói rách ở các nơi thành-thị thôn-quê kia thời chúng ta cũng không cần phải vấn tâm mà tự thẹn; nhưng chúng ta thực đều là hạng người có ít nhiều học-vấn, thời chúng ta nghĩ sao? Nếu chúng ta định không coi những bọn kia là người Nam-Việt, là giống Lạc-Hồng, nay chúng ta tự để mình là khách Trung-Hoa, là dân Đại-Pháp, thời chúng ta cũng không cần đối với chúng phải hữu-ái cho lắm; nhưng chúng ta thực cũng còn vẫn nhận những bọn đó là đồng-bào đồng-chủng, thời chúng ta nghĩ sao? Nếu chúng ta đừng hay nói đến những chữ *đồng-bào, đồng-chủng, tổ-quốc, quốc-dân,* thời cũng như chúng ta quên đi mà chẳng nhớ; nhưng trong những lúc cùng nhau tụ họp mà đích-cua diễn-tauyết, chúng ta còn hay cứ nhắc đến những tiếng đó, thời chúng ta nghĩ sao? Ôi, cái nghĩa hữu-ái, qui ở tình mà rồi mới đến sự; phải có sự mà rồi mới đến nghi-văn. Nếu chỉ có nghi-văn mà không có sự-thực thời cái nghi-văn ấy không có giá-trị gì; có sự-thực mà không có tình thời cái sự-thực ấy tất cũng tạp những chất giả-mạo, miễn-cưỡng, cô-lức, cẩu-thả mà giá-trị

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

không đáng là bao vậy ! Hiện nay chốn hạ-dân, những nỗi lầm-than, nhiều nỗi còn thảm hơn tình-cảnh nơi bị lụt ; trong xã-hội, những việc hữu-ái, nhiều việc còn to hơn cứu-tế dân thủy-tai. Mong rằng quốc-dân ta, nhất là những bực thượng-lưu đại-biểu, ai ai nấy, trước hết hãy đem một tấm lòng hữu-ái đối với nơi công-chúng mà thời thường thực-hiện trong những lúc bình-cư ; rồi sau sẽ xuy như một việc cứu-tế dân thủy-tai để cùng nhau làm các sự công ích, như thế thời cái đạo hữu-ái mới quảng-hành mà cái việc hữu-ái mới có nhiều giá-trị vậy. Nay trong bài đây, tôi truyên nói về cái tinh hữu-ái các kỳ sau khác, sẽ xin lục-tục nói về việc hữu-ái. Các việc hữu-ái ở trong nước An-Nam ta, trước mong ở cái tinh hữu-ái của người An-nam ta.

Tản-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu.

Sách Lên-Tám

MỚI IN RA LẦN THỨ NĂM

Bán tại

Sở báo An-Nam và nhà in Đông-Kinh

HANOI

Giấc-Mộng-Con

Lần thứ hai đương in sắp song

Có xưa lại

Nguyễn-khắc-Hiếu

DƯ-LUẬN

SAO CHO "HƯƠNG-HÀO ÁI-HỮU HỘI" CHÓNG THÀNH LẬP ?

Xem bài xã-thuyết An-Nam tạp-chí số 7, có khuyên các bạn thôn-quê tổ-chức Hương-hào ái-hữu hội, không hiểu ý các bạn độc-giả thế nào, tôi đây thì rất có lòng hoan-nghênh, vì nếu hội này mà khắp trong nước ta đâu cũng tổ-chức lên được thì tiền-đồ Việt-Nam ta cũng có vẻ khả-quan vậy. Bởi thế tôi có mấy lời thô-thiển bàn sau đây để tỏ ý biểu tình, và mong rằng : "*Hương-hào ái-hữu-hội*" mau thành-lập.

Trước khi bàn về vấn-đề này, hãy xin xét về lịch-sử hương-hào ở nước ta xưa nay : Nói về quyền-thế thì quyền-thế của hương-hào không bằng các bực quan-tư, nói về học-vấn thì học-vấn của hương-hào không bằng các nhà thân-sĩ ; nhưng nói về địa-vị thì hương-hào bao giờ cũng triếm một cái địa-vị rất vững-trãi ở dân-gian. Nào mạnh lệnh của chính-phủ thì hương-hào truyền bá cho dân, nào tình ý của dân thì hương-hào thông đạt lên chính-phủ ; thế là chính-phủ đối với dân, dân đối với chính-phủ, đều nhờ hương-hào môi-giới vậy. Hương-hào nhiều ông lại có tài mẫn-cán, cai-đáng được mọi việc trọng yếu, để trên giúp chính-phủ, dưới giúp cho dân. Xem như đê điều được vững-vàng, thôn ấp được yên-ổn, chẳng phải là công của hương-hào ru ? Ấy kể lúc bình-thường thì thế ; còn những lúc nước có biến-cố, dân bị lầm-than, hương-hào lại tỏ tài thao-lược để với dân cứu nước cũng có.

Tôi nói thế, chắc có người bảo là khen quá, nhưng không phải. Ông Bố-Cái-đại-vương chẳng là hương-hào ở Đường-lâm ru ? mà đánh đuổi quân Đường để cứu dân ; ông Khúc Tiết-độ chẳng là hương-hào ở Mộng-châu ru ? mà tự lĩnh Giao-châu để tự-trị ; vua Lê Thái-tổ là hương-hào làng Bố-Vệ, mà đánh đuổi quân Minh ; vua Nguyễn Quang-trung là hương-hào trại Tây-Sơn mà đánh đuổi quân Thanh ; lại về cuối đời Lê, ông Dương-quốc-Tuấn khởi quân cần-vương để giúp vua Chiêu-thống trong khi bôn-bá, xét ra thì là hương-hào làng Dương-lâm, huyện Yên-thế. Đó là mới kể đại-lược ; nếu kể hết thì còn nhiều. Ấy hương-hào ở nước ta khi xưa như thế ; nước ta mà gọi là nước có lịch-sử vẻ-vang, phần nhiều cũng nhờ ở các bực hương-hào đó.

Hương-hào khi xưa thì thế ; hương-hào ngày nay thế nào ? Tôi dám chắc rằng hương-hào ngày nay, cũng nhiều ông có tài lỗi-lạc như các bậc hương-hào ngày xưa, chỉ vì sinh trưởng ở trong luồng không-khí truyền-chế, lại tập-nhiễm cái tục hương-ẩm cạnh-tranh, thành ra kiến-thức hẹp-hòi, tư tưởng bó buộc, mà nhân-cách mới kém các bậc hương-hào ngày xưa vậy.

Ôi ! thời-đại này là thời-đại nào ? chẳng là thời-đại dân-quyền ru ? Hương-hào là hạng người nào ? chẳng là hạng đại-biểu dân ru ? Đã là đại-biểu dân thì tư-cách dù chửa hoàn-toàn, nhưng cũng phải kha khá mới được ; thế mà cứ xem báo đăng hàng ngày về tin các ông hương-hào ta, thì thực đáng chán quá ; nào ẩm-thực-hội ru ? nào cải-lương hóa cải-ác ru ! ấy là chưa kể những việc tranh dành hão, tức khí xằng mà diễn ra những tấn kịch rất đáng thương tâm vậy. Ôi ! dân-biểu như thế, thì còn mong gì mọi việc công-ích công-an.

Bởi những nhẽ đó, mà những người có lòng lo nước thương dân, không thể ngồi yên mà không săn-sóc đến các ông cho được, như là lời khuyên "*tổ-chức Hương-hào ái-hữu hội*" của An-Nam tạp-chí, cũng là lẽ thấy người ốm mà mách bảo cho phương thuốc hay vậy. Ý hẳn cũng cho là hội ấy có tổ-chức nên được, thì tình tình của các ông mới hoà-hợp lại với nhau, mà kiến văn ngày rộng, trình-độ ngày cao, trừ bỏ dần những cái tật xấu kể trên, để cùng nhau lo

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

toan mọi việc ích dân lợi nước. Hồn-hậu thay cái ý ấy! quý-báu thay phương thuốc ấy!

Tuy vậy, ý thì tốt thật, thuốc thì hay thật, nhưng thiết tưởng người ốm đã mê-man bất tỉnh nhân-sự, còn có thể tự đi lấy thuốc mà uống ru? Hẳn là không được. Tất phải có người dúp mới song. Xuy thế thì Hương-hào ái-hữu hội chưa có thể mong các ông hương-hào tự tổ-chức lấy được, tất cũng phải có người dúp thế nào vậy.

Vậy cứ cái ý thiển-kiến tôi thì muốn có hội ấy, trước phải gây dựng cho hội ấy có tinh-thần, ví như người làm nhà muốn dựng nhà, trước phải xây móng; như người giồng cây, muốn ăn quả, trước phải gieo hạt mới được.

Cách-thức xin kể như sau này:

Trong ba kỳ ta, xứ nào xứ ấy, trước hết các bạn đồng-chí ta cùng hô-hào nhau rồi xin phép Chính-phủ lập một cái hội tại nơi đô-hội nào đó, để làm chủ-động-lực cho Hương-hào ái-hữu-hội. Hội này tôi xin tạm đặt tên gọi là "*Quốc-dân hội,*" mục-đích hội là để giúp Chính-phủ khai-hoá quốc-dân; hội-viên thì người trong quốc-dân hạng nào vào cũng được, nhưng phải là người tốt. Các chân hội-viên và tiền chân vào hội cũng có đẳng hạng, đại-để cũng như hội Khai-trí-tiến-đức. Công việc của hội thì việc chính là làm sách, báo, tạp-chí và diễn-thuyết, còn ngoài ra thì đều là việc phụ.

Làm sách thì dùng cách đặt giải thưởng, để người làm sách chịu gắng sức làm lấy sách hay, người trong hội hay người ngoài hội, ai làm cũng được. Báo và tạp-chí thì đặt riêng một tòa, người trong hội hay thuê người ngoài làm, hội đều giả lương. Diễn-thuyết thì khi diễn tại hội-quán, khi thì đi tra các tỉnh, các phủ huyện, mà sự đi thì nên nhiều hơn, vì muốn cho nơi thôn-quê chóng được tiến-hoá. Người diễn-thuyết thì hội chọn lấy những người học rộng, biết nhiều truyện, làm diễn-văn và luân truyền nhau đi các nơi thôn-quê diễn-thuyết, khi đến phủ huyện nào thì nhờ quan sở-tại đấy, sức cho hương-hào cùng mọi dân-đinh đến dự thính cho đông. Diễn-văn thì lựa những vấn-đề nói về phận-sự dân đối với nước phải thế nào, dân có những quyền-lợi gì ở trong nước, và mọi vấn-đề thuộc về công-ích như lập trường học, lập sở giảng báo, lập nhà hộ sinh, lập xưởng kỹ-nghệ, vân vân, mà cần nhất là cách tổ-chức Hương-hào ái hữu-hội. Những người diễn-thuyết cũng ăn lương của hội như mọi người làm các việc kia. Trong một năm thu được tiền sách báo và tạp-chí thì trừ tiền ấn-loát, tiền giấy và lương của mọi người làm đi, còn thì sung vào công-quỹ hội để làm mọi việc công-ích.

Đó là phác qua cái tôn-chỉ và công việc hội đại-khái như vậy, chứ chửa phải là ấn-định, nếu được đồng-bào tán-thành thì khi lập hội sẽ lại bàn kỹ.

Khi hội đã thành-lập, thì hội theo tôn-chỉ mà làm, nào sách, nào báo chí, nào diễn-thuyết, tuy mỗi cơ-quan khác nhau mà cùng là cái máy khai-hóa quốc-dân, thì ta nên vận-động luôn, không để cho lúc nào gián-đoạn. Nếu như thế, thì dân-trí chẳng bao lâu mà khai-thông; dân trí đã khai-thông thời các Hương-hào ái-hữu-hội còn khó gì mà chẳng tổ-chức nổi. Thế là Quốc-dân-hội tạo thành ra Hương-hào ái-hữu-hội vậy. Quốc-dân-hội đã tạo thành ra Hương-hào ái-hữu-hội thì các Hương-hào ái-hữu-hội tất phải coi Quốc-dân hội là ân-nhân mà báo đền lại bằng cách tiêu-thụ sách và báo chí, mà Quốc-dân-hội cũng thịnh-vượng thêm lên. Hai đẳng đối với nhau có một cái quan-hệ rất mật-thiết, như thế thì cái giây liên-lạc tất bền, cái máy hô-ứng cũng nhậy, vô số đoàn-thể nhỏ họp lại thành một đoàn-thể lớn, mà sinh ra sức mạnh vô cùng. Tiền-đồ Việt-Nam ta chẳng khả quan lắm ru? Ấy cái lý-tưởng dùng Quốc-dân-hội để dẫn khởi Hương-hào ái-hữu-hội, sự kết-quả có như thế.

Nhưng đó là vì cái lòng "ước mong Hương-hào ái-hữu-hội mau thành-lập" mà phát ra nhời bàn thô-thiển ấy, chưa chắc đã là phải; nên chăng thế nào, xin chất chính cùng hải-nội chư quân-tử.

Song-Khê Nguyễn-khắc-Nhu

ĐỐI CÙNG Ý-KIẾN ÔNG SONG-KHÊ

Ông Song-khê viết bài trên đây, câu cuối, ông có rộng cho rằng : « *nên chăng thế nào, xin chất-chính cùng hải-nội chư quân-tử.* » Tôi tuy không dám tự liệt vào hàng hải-nội quân-tử, song cũng vì một chút nhiệt-tâm mong cho « *Hương-hào ái-hữu-hội chóng thành lập,* » mà xin có ý-kiến đối cùng ông.

Trước khi đem ý-kiến đối cùng ông, về phần riêng, tôi xin cảm tạ rằng ông đã biểu đồng-tình cùng tôi ; về phần chung, tôi xin kính phục rằng ông có nhiệt-tâm với xã-hội. Còn như ý-kiến đồng dị, xin rãi như sau đây :

Ông Song-khê luận về hương-hào mà bảo rằng cái địa-vị rất vững-trãi ở dân-gian, cùng là nói về những công trạng của hương-hào trong những lúc bình-thời và những khi biến-cố, ông lại lược kể những bực danh-nhân trong hương-hào ở lịch-sử mà biểu dương ra như đó, thực là sác-đáng chính-đại, có giá-trị ở trên trường ngôn-luận vậy. Tuy vậy, bổn-ý ông Song-khê là « *mong cho Hương hào ái-hữu-hội chóng thành lập ;* » mà đại-ý của ông trong bài đây là « *muốn lập Quốc-dân-hội để dẫn khởi Hương-hào ái-hữu-hội* » ; như thế thời sợ rằng hai cái ý của ông lại tự phá-hoại nhau. Hoặc là ông chưa xét rõ cái tình-trạng ở trong xã-hội ta hiện nay, cho nên có chỗ sai nhầm mà muốn chóng lại thành ra đề chậm vậy.

Ông Song-khê muốn lập *Quốc-dân-hội mục đích là để dúp Chính phủ khai-hóa quốc-dân ; hội-viên thời hạng người nào trong quốc-dân vào cũng được ; công-việc chính của hội thời là làm sách, báo, tạp-chí và cắt người diễn-thuyết.* Quả như thế mà làm được cho xứng ý, thời dẫu không có Hương-hào ái-hữu-hội, mà nước nhà cũng đã có lắm vẻ khả-quan ; nhưng thực là một sự chưa có thể, dẫu nói đến cũng chẳng qua chỉ để đó mà thôi. Nay ông thử nghĩ như muốn lập một cái hội mà làm các công-việc như thế thời phải có số tiền là bao nhiêu ; tôi tưởng số tiền ấy hẳn cũng không ít mà thu được cũng không dễ. Lại từ khi hội *Ích-hữu-thư-xã* thất bại, làm bại-hoại cái lòng vi-thiện của xã-hội thực nhiều ; sau khi đó, nghe đến tiếng "*hội,*" thiên-hạ hãi như hổ. Đến nay lại muốn chiêu-tập lấy tiền để mà làm những công-việc như thế, nghĩ chẳng là không có thể lắm ru ? Ông Song-khê lại bảo rằng: « *các chân hội-viên và tiền chân vào hội, đại-để cũng như hội Khai-trí-tiến-đức.* » Vậy thời ông không rõ rằng hội *Khai-trí-tiến-đức* mà thành lập được, mà đứng được cho đến bây giờ, là ở trong có một cái thế-lực đặc biệt ; tuy vậy mà thường vẫn có nguy-cơ, cho nên những người sáng-lập chủ-trì trong hội ấy mới phải bầy ra những cách ăn chơi, như rượu trẻ, cờ bạc, đầu đĩ, hát xướng, để thu phục nhân-tâm cho bền cơ-sở hội. Ôi, thu phục nhân-tâm bằng những cách ăn chơi như kia, mà mong làm những việc mở trí khôn, tiến đức tốt cho đồng-bào, nghĩ cũng trái lắm vậy ! Thất bại thời như hội *Ích-hữu thư-xã*, thành lập thời như hội *Khai-trí-tiến-đức*, đều chỉ là quấy hôi bôi nhọ cho quốc-dân. Xem như thế thời biết rằng trình-độ người an-nam ta hiện nay, chưa đủ tư-cách mà lập thành một cái hội để làm những công-việc như thế ; dẫu có lập ra nữa, cũng lại chỉ để cho những kẻ nào khôn-khéo tùng trung lợi dụ đó mà thôi. Theo như ý-nguyện ông *Song-khê* thời có chăng phải đến mươi mười lăm năm về sau mới có thể có được cái hội như thế ; hội *Hương-hào-ái hữu* lại phải nhờ vào hội đó dẫn-khởi mới thành lập, như thế thời lại chậm là bao nhiêu. Ông Song-khê là người nhiệt-tâm với xã-hội, mà tình-trạng của xã-hội thời ông chưa để ý xét tường, đáng tiếc vậy !

Nói về *Hương-hào ái-hữu hội*, ông Song-khê bảo rằng : « *chưa có thể mong ở các ông hương-hào tự tổ-chức lấy được,*

tất phải có người dúp thế nào. » Câu nói đó tựa cũng có nhẽ. Nhưng gọi là "*dúp*" thời chỉ dúp về các công-việc tổ-chức mà để các ông hương-hào tự đứng ra lập hội, như thế thời phải hơn, mà sự-thế cũng có thể làm lắm. Ở trên ông đã nói rằng : « *Hương-hào ngày nay, chắc cũng nhiều ông có tài lỗi-lạc* . » Vậy thời lấy cái tài lỗi-lạc mà mong làm như các bực hương-hào trong lịch-sử, như ông Song-khê lược kể đó, như thế mà bảo rằng khó thời tôi *không dám biết ; chớ như chỉ cùng nhau* lập cái hội hữu-ái, mà ông ví như "*những người Ốm bất-tỉnh tự đi kiếm lấy thuốc,*" câu đó thời thực có quá vậy. Cứ bình-tĩnh nghĩ ra, hương-hào ngày xưa so với hương-hào ngày nay, tất-nhiên trình-độ còn kém xa ; những bực danh-nhân trong hương-hào ở lịch-sử mà ông Song-khê thuật ra đó, nghìn thu có được mấy người. Nếu biểu-dương những người ấy mà bảo rằng hơn hương-hào ngày nay, thời tưởng phàm các hạng người đều có thể đem mấy người cổ-nhân *mà nói như thế cả, cứ chỉ một hạng* hương-hào ru? Ông Song-khê nguyên vì yêu các ông hương-hào mà mong cho Hương-hào ái-hữu-hội chóng thành lập, song mà ông có ý khinh các ông hương-hào quá, cho nên ông tính có sai nhầm mà cái muốn chóng thành ra muốn chậm vậy.

Cứ ý tôi đối với một việc này, chỉ mong rằng trong các bạn hương-hào, có một vài người đứng ra trước, rồi rủ các *người đồng-chí sau, năm người cũng là hội,* ba người cũng là hội, trước ít rồi sau đông, trước nhỏ rồi sau nhớn, cốt gây lấy hương-hào ái hữu-hội cho thành lập, rồi các sự công-ích ở chốn thôn-quê thời tính sau. Như thế thời mới là « *muốn dựng nhà, trước xây nền,* » theo như câu nói của ông Song-khê vậy. Ông Song-khê nghĩ sao? các ông hương-hào nghĩ sao? các quân-tử trong xã-hội ta nghĩ sao? Sao cho Hương-hào ái-hữu-hội chóng thành lập !

Tản Đà Nguyễn-khắc-Hiếu

Hài-đàm

Hai sự không lịch-sự

Tòa báo hay nhắc tiền những người mua năm,

là sự không lịch-sự.

Người mua năm chậm giả tiền,

cũng là sự không lịch-sự.

Đó là hai sự không lịch-sự.

Một người mua năm đã giả tiền

lai cảo.

社會之家庭說

GIA-ĐINH

NHỜI DẠN CON CỦA CỤ TRẦN-DANH-ÁN

Cụ Trần-danh-Án là Tiến sĩ đời Cố-Lê, là một vị bề-tôi tiết-nghĩa. Bài này của cụ nguyên là Hán-văn, nay dịch ra quốc văn.

Cụ ông xưa, năm mươi mốt tuổi mới có ta; lúc ta trưởng thành, thời cụ không được trông thấy. Ta từ khi nhờ sức học làm nên khoa-bảng, liền đem thân mà đua đuổi với nước nhà, lộc chúa ơn trên, chưa được một ngày hưởng-thụ; phong-trần nửa kiếp, tang tử một giời ăn mặc nhờ người, ốm lo xuốt tháng; nhà thờ không được chút hương lửa, mẹ già không được chút ngọt bùi: vợ yếu con thơ không được chút trông mong nhờ cậy; xét như ta ăn về hồng-phúc thi thư thật cũng ít-ỏi lắm vậy. Nhưng ta bình-sinh chẳng có sự gì quá ác, hoặc-giả ông xanh xét đến, còn thương đoái mà hậu-hỹ chút nào chăng. Hiện nay máu đào để lại, còn một mình mày; cái giòng xiêm mũ ba đời, muốn cho sau được khỏi tắt rưt, trăm năm trông cậy vào ai? Nghĩ như mày, kể tuổi cũng đã nhớn, trải đời cũng đã nhiều, bao nhiêu mùi cay vị đắng của ta, mày vẫn nếm chung tất cả, nếu kẻ làm con biết nghĩ, tất phải đau lòng xót ruột mà gắng sức cố công, mong sao mình dựng lấy mình, cho được yên lòng cha mẹ: nỡ nào mà chẳng tưởng lập thân lập chí, chẳng buồn nhắc chân nhắc tay, ăn no ngủ say, suốt ngày chẳng lo-lắng chi cả. Xưa nay trong thế-gian, những người nuôi được miệng, nuôi được vợ con không đến nỗi rét áo đói cơm mà chết, xét ra cũng có nhiều cách: hoặc là học-hành thi đỗ, trông về ngòi bút cái nghiên, đó là bực nhất; hoặc cầy cấy giồng-dọt, trông về sào ruộng thước đất, đó là bực thứ hai; hoặc là làm thầy làm thợ, làm nghề buôn, trông về chân tay đó là bực thứ nữa. Nếu mà không thế, vải không dệt mà có mặc, lúa không cấy mà có ăn, tất phải có ruộng cả ao liền, tiền dương thóc đống của cha ông để lại. Lại không thế nữa, tất phải tài chui cúi, khéo dinh mò, hoặc làm đứa ở thằng hầu, hoặc làm quân cướp kẻ trộm thời mới khỏi phải chết đói chết rét. Vậy thì mày thử nghĩ xem, từ bực làm ruộng cho đến bực kẻ trộm, mày có thể chọn được một nghề mà làm chăng? Ta chưa từng thấy có người rào tài không có, học không có, của nả không có, vốn liếng cũng không có, lại ăn lười làm biếng, tay vụng chân bèn, lêu-lổng ngông-nghênh, ông chẳng ra ông thằng chẳng ra thằng, học chẳng hay, cầy không biết, chúng-chục một khối thịt như đứa trẻ chưa biết cười, thế mà nuôi được thân và nhà bao giờ. Nay ta còn sống, dẫu chưa chắc mày đã khỏi cơ hàn, song có cơ hàn cũng chưa tệ lắm; nhưng mà ta đã già yếu, cái chết cũng sắp đến nơi, không biết sau khi ta nhắm mắt rồi, mày sẽ nhờ cậy vào đâu? mà ta trông mong vào ai? Hiện nay cơi nghiệp nhà còn được những gì? Một khu vườn rậm, nửa mẫu ao tù, đó là tất cả cơ-nghiệp vậy; nếu đem mà cầm bán, phỏng được mấy tháng nuôi thân? Vả lại vì sự nuôi thân trong mấy tháng, mà để cho tiên-tổ mất nơi nương bóng, vợ con mất chỗ chú chân, như thế nghĩ thật là không được. Vậy thời dùng cách gì? Tìm kẻ quen thuộc mà năn-nỷ kêu xin, tìm nghề hèn mạt mà kiếm ăn lần-hồi đều không thể song cả. Mùa màng có năm được năm mất, cuộc đời có khi hợp khi tan, đến lúc bấy giờ tất chỉ có "chết đói" thôi vậy.

Nhưng chết đói cũng là sự nhỏ, chưa thật xấu lắm ; làm người mà đối với nước đã không danh tiếng, đối với làng chẳng có công ân, sống thì khụt khịt với lũ đen đầu, chết thì thối nát cùng loài cây cỏ. Than ôi ! người mà đến thế thời dẫu no mà chi ! ấm mà chi ! trường thọ mà chi ! cái sác thịt lù-lù bầy thước đó đội giời đạp đất mà làm chi ! Huống chi buổi đời nay, người tử-tế thì ít, người bạc ác thì nhiều, nói không giữ thời bị lừa, làm vô ý thời mắc tội, vạ khó biết mà chánh, phúc khó biết mà cầu, ở vào đời nay mà không khôn, khó mà giữ được tính mạnh. Những kẻ con cháu bất tiếu, thế-gian thường vẫn chê cười, mà nghĩa chữ « *bất tiếu* » là thế nào ? là không nối được nghệ-nghiệp của tiên-tổ ông cha đó mà thôi. Ôi, con cháu vô phúc mà đến nông nỗi như thế, thì chẳng những đeo xích đội gông, tan nhà mất xác, mới là nhục tổ tiên ; ông cha chẳng may mà có con cháu như thế, thì chẳng cứ chết không ai chôn, rỗ không người cúng mới là hết giống nòi. Người mà đức hạnh không đáng tôn, dáng điệu không đáng kính, ngoài thì quan lại dọa nạt, trong thì họ mạc mỉa mai, cả đến những kẻ lưng cao khố đen vai u thịt bắp trong xóm làng cũng vì sự cả cánh dầy vây mà coi làm bằng vai ngang lứa. Người ta trông thấy trỉ vào mặt mà bảo nhau rằng : « Ấy con ông ấy đấy, ấy cháu ông ấy đấy ; cái mạnh gia thế thi thư của nhà ấy có nhẽ đã hết hay sao? sao mà sa-sút đến thế! » Như vậy tức là nhục tổ tiên; tức là mất nòi giống đó vậy. Mỗi khi ta nghĩ đến đó, xuốt đêm canh-cánh lo-phiền. Lo về sự gây dựng, trước cha ông bao nỗi gian-truân ; lo về đường nối theo sau con cháu nhiều điều xuy đốn. Thế mà mày vẫn không biết tự-xét ru ! Ta dẫu tài cao tinh phiếm nhưng mà mỗi lúc dụng tâm nghĩ ngợi, thường thường quên ngủ quên ăn, sớm khuya săn-sóc : lắm lúc mải ngồi xón đái, ăn song quên nước ; nội trong năm kinh bốn truyện, ngắt nhặt chẳng sót đâu, sao chép đã hồ khắp, cả đến nội-kinh ngoại-khoa, sách thuốc sách bói, các sách giậy về nghề vặt, không thứ nào mà không ra sức dùng công. Nay dẫu già yếu lề-mề, mà vẫn tay không rời sách, trong lòng đau đáu chỉ sợ số tuổi không đủ cho việc làm. Thế mà đức-nghiệp vẫn chẳng hơn ai, là tại tính ta như nước thủy-triều, lên thì chóng mà xuống cũng chóng. Huống chi như mày, tài-bộ so với ta, mười phần mới có ba, chí-nghiệp so với ta trăm phần chưa được một. Như thế còn mong chi ! Cụ ông xưa chín tuổi đã bồ côi cha, nghìn rậm theo thầy đi học chiếc thân cô độc, trăm nỗi đắng cay, thế mà làm được vẻ-vang cha mẹ, lừng-lẫy thân-danh, phúc-ấm để mai sau con cháu ấy cũng tự có chí thì nên đó, ai là người nhắc-nhổ khuyên bảo cho. Ta sinh trưởng ở nhà phú-quí, những vẻ phồn-hoa xa-xỉ trơi-bời ở trước mắt, cụ ông thì mình già tuổi tác, dậy bảo chẳng được là bao ; về phần văn-chương, ta chỉ lần theo lối cũ ; về phần nghĩa-lý, cũng là nghiền-ngẫm tự bụng riêng. Thế mà không đến nỗi đánh đổ nền thi lễ của tổ tôn, có phải chỉ dùng tài-khí xoay-xỏa mà thôi đâu, cũng do ở lập chí cao mà dùng công khốn-nạn vậy. Mày nay mới ra đời gặp ngay lúc đất nước tan-tành, cửa nhà xa-xút, khó-khăn hết tháng ; quẫn bách quanh năm, cái đó tuy là chẳng may, mà chính cũng là một sự rất may vậy. Nghĩa là không có tiền của đâu mà muốn chơi bậy chơi càn, ham thanh mê sắc, thời tính-tình không phóng-đãng, tai mắt không ù-lòa, cái cơn lo sợ nghèo hèn, chính là lúc thợ giời tô điểm khách mày râu, mà cũng là lúc chí-sĩ đắp xây nền sự nghiệp. Cho nên sách Chu-dịch diễn trong ngục tối (1), bộ Hán thư biên ở nhà tằm (2) ; coi đó biết các bực hiền thánh ngày xưa, làm nên công nghiệp nhớn, văn-chương hay, phần nhiều do ở lúc hiểm-nghèo hoạn-nạn. Nay mày tuy khốn quẫn, nhưng còn có sách vở đủ học, còn có khuôn phép đủ theo ta dẫu già yếu, còn có thể cùng mày trải chuốt nhời văn, dùi mài nghĩa

(1) — Ông Văn-vương khi bị vua Trụ giam ở ngục Cửu-lý, diễn ra sách Chu-dịch.

(2) — Ông Tư-mã-Thiên khi bị tội giam ở nhà nuôi tằm, làm ra pho sách Hán-thư.

sách. So với ta và cụ ông thủa trước thời cái địa vị mày còn dễ hơn nhiều mà công phu cũng không khó lắm ; cớ sao nó đã rát hầu bỏng cổ, mà mày vẫn không cố-kỉnh chút nào. Ta xét mày không phải là kẻ cam chịu hèn kém cũng không phải là đứa bảo chẳng ăn nhời, cái tội chỉ có lười thôi vậy. Ngày nay long-đong, ngày *mai bận-bịu*, ngày nay chưa thể làm việc, ngày mai hẫy tạm nghỉ-ngơi, muốn cố học hành để ngày khác cũng chưa là muộn ; rồi đến ngày khác cũng tìm cớ mà thoái-thác như xưa. Ôi ! có một bệnh đó, gần nửa đời rồi mà vẫn không sao chữa khỏi ! Mày thử nghĩ từ khi mày nói những câu thoái thác ấy đến nay đã được mấy năm, là cái lúc học-hành của mày còn đợi đến ngày nào nữa ? Người ta sống ở trên đời, trường cửu là 70 tuổi, trong 70 tuổi đó, cái ngày dùng sức về sự học chẳng qua từ năm 15, 16 đến năm 25, 26 tuổi mà thôi. Thánh-hiền thủa xưa, hoặc quí thì-giờ, hoặc tiếc bóng nắng, trong lòng canh-cánh chỉ sợ cái già đến sau ; huống chi những người tư-chất bình thường, mà nỡ bỏ liều cho ngày tháng hao mòn, thì còn làm được việc gì nữa ! Ông Chu-khảo-Đình nói rằng : « Chớ bảo ngày nay hết, lại có ngày mai chớ bảo năm nay hết, lại có sang năm. » Ông Trần-kế-Nho nói rằng : « Cái thân trong một phút sau, không phải là thân trong một phút trước. » Quí thay mấy câu nói đó ! thật là thuốc chữa bệnh, kim chỉ phương của kẻ học-giả vậy. Mày nay đã 21 tuổi, chẳng mấy chốc mà đến 30, ruột gan nghĩ-ngợi những gì ? học hành tấn-tới được ... : bao ? Mày chắc trong mình mày sau này làm nên thế nào ? Sự-nghiệp của Cụ ông và ta đành không thể mong được, tài đức của các bực anh-tuấn trong đời đành không thể mong được, so với những người chưa có tiếng ở trong bè-bạn, thì mày đọ được cùng ai ? Nếu người khác nghe những câu đó, tất phải chau mày mà nghĩ, sốt ruột mà lo, ứa nước mắt, toát mồ hôi mà kinh mà thẹn. Tại vì sao ? Ngày tháng qua rồi, đã khó lấy lại ! thì giờ sắp tới, cũng chẳng chờ ai. Sao mày không nghĩ lại một đôi chút vậy ! Nếu mà mày biết nghĩ lại cũng còn vừa kịp. Nghĩa là mày tuy nhớn mà chưa già, tuy túng mà chưa đói ; sự học nếu sao-nhãng, ta gấp sức mà dùi-mài ; tư-chất nếu thấp hèn, ta cố học cho tấn-tới ; chí-khí dù có non yếu, ta khua động tinh-thần cho thêm hăng, số mệnh dù có gian truân, ta trao giồi chí-khí cho hăng-hái ; người dùng sức một, ta dùng sức trăm ; người dụng công mười ta dụng công nghìn ; tâm-chí cầm cho bền, khoá trình giữ cho đúng ; ngặt như phép Thương-quân, dẫu chết chẳng phạm ; nghiêm như lệnh Tôn-tử, chỉ tiến không lui, vận : có khi đen khi đỏ, mà học đừng vừa học vừa chơi, thân có lúc yên lú nguy mà bụng chớ khi xiêng khi nhác : cả đến lúc ngồi lúc đứng, lúc nói lúc làm, lúc lật đật, lúc vội-vàng, một khắc chớ bỏ qua nửa giờ đừng để phí, cố công cùng sức mà nghĩ-ngợi trong ba năm may ra cũng đã nên vẻ ; còn về từ đó mà đi, thì ta không thể biết đến nữa. Ôi, khi mưa khi nắng, tiết giời bất thường, lúc thịnh lúc xuy, vận nhà khó chắc, rồi ra họ hàng làng xóm, nhiều việc lôi-thôi, nhà cửa vợ con, lắm bề vương vứu ; nào cảnh nghèo hèn, cơn hoạn nạn nào tình đói rách, nỗi ốm đau, đều có thể làm cho rối tinh-thần, loạn tâm-chí ; tuổi một ngày một nhớn, học càng ngày càng cùn, hèn yếu chút thân, ngổn-ngang trăm việc, dẫu có sào đồng cột đá còn lo chống chế không song, thời còn thì-giờ đâu mà nghĩ đến sự học ? Gia cho lúc bấy giờ mày có tỉnh ra mà biết nghĩ chăng nữa, nhưng cũng học trước quên sau mà thôi. Nay ta đương lúc bồng-bềnh lưu-lạc, thương mày lênh-đênh, mong mày tấn-tới, rút ra một đoạn tâm-huyết mà bảo mày, tuy rằng chưa chắc mày đã nghe, nhưng mà cái đạo làm cha phải như thế ! Nếu mà giời còn thương lại, mở lòng khai khiếu cho mày, khiến mày nghe mà biết nghĩ, biết kiếp trần-ai là thấm-thoát, biết lòng cha mẹ rất trông mong, như chết mà hồi, như mơ mà tỉnh đó là giời ngặt với ta mà rộng với mày cái đó mày cũng có phận. Nếu ta nói đến thế mà mày vẫn không ăn nhời, thời cũng là tại giời, tại mệnh, tại cái quả-báo về nghiệp văn học của tà ; ta cũng chẳng trách chi mày vậy.

Ngô-tất-Tố dịch

文學之部

VĂN-HỌC

HÒA-BÌNH PHONG-TỤC KÝ

Tham tri lĩnh Hòa-Bình Tuần-phủ
ĐINH-CÔNG-THỊNH
soạn

(Tiếp theo và hết)

Những người chức-dịch dân mường. — Người mường, kỳ-mục thì tất là *cai xã, cai chung, cai nhưng, cai hầu, cai kho*, những chức này trông nom tất cả công việc trong nhà quan lang. Cai kho thì coi về việc làm ruộng và thóc gạo cho lang, tức là người giữ kho ; cai-giáp và *chấu-chiếng*, tức là anh phần tau, làm việc cùng với chánh, phó-lý ; *ấu-bỗ*, hễ mà vợ lang sắp sinh nở thì ấu-bỗ đón về nhà cho bà lang sinh nở. ấu-bỗ và bà bỗ chỉ nuôi con lang ở trong nhà một tháng hay là hai tháng, tuấy con lang mạnh bú sữa, tốt-đẹp cứng-cát, rồi mới đưa con lang và bà lang về nhà lang. Khi con lang trưởng thành, thì dân và bà bỗ đi lấy vợ cho, khi đón dâu về thì vào nhà bỗ trước, ở nhà bỗ một lỏm hay là hai hôm, trọn được ngày giờ tốt thì ông bỗ, bà bỗ mới đưa dâu về nhà lang.

Con gái lang trưởng-thành đi lấy chồng, khi rể mới đến dẫn của cưới, cũng phải vào ở nhà bỗ ; thảng hoặc bố mẹ lang qui tiên, thì chính ông bỗ tay hữu phải cầm một cái dao, đứng lên trên cửa sổ sẵn ; thầy mo chọn được giờ tốt mới động tiếng (tức là khóc), chính ông bỗ cầm bên sống dao đánh vào bạo cửa, kêu giời ba tiếng rằng : « *Lang* (hay bà *Lang*) *tôi chết* ! » thì con cháu mới được khóc sau. Thảng hoặc ông bỗ hay bà bỗ chết, thì lang phải để trở và làm ma cho ông bỗ, bà bỗ, vì ông bỗ bà bỗ có công nuôi-nấng. Năm nào cứ đến gần tết, thì bỗ phải mang lợn gạo đến để làm vía cho lang. Thảng hoặc ông bỗ bà bỗ lỗi chái với lang thế nào mặc lòng, nhưng lang không được cách ông bỗ bà bỗ, là vì có nhời nguyền từ xưa ; nếu cách bỗ thì nhà lang không hay.

Con gái ông bỗ bà bỗ tốt đẹp đến đâu mặc lòng, lang không được lấy làm vợ.

Ông bỗ và những chức kỳ-mục trên này thì lang đều cho mỗi người một phần ruộng là ruộng của lang cho.

Việc hiếu của dân mường. — Tục dân mường làm ma cho bố hay mẹ, khi bố hay mẹ mới mất thì cũng phải đón thầy mo ngay ; thầy mo đến, trước nhất chủ nhà phải đặt bàn lễ thánh-sư ; ông mo cúng thánh-sư, rồi chọn được giờ tốt mới cho động tiếng. Khi động tiếng thì bắn ba phát súng để quán chùng ; quan-tài thì làm bằng gỗ tròn, làm hai mảnh, mảnh trên mảnh dưới, đục ở giữa, mảnh trên mảnh dưới ghép vào mộng liền như một, và cái trên lắp xuống cái dưới. Khi quan-tài những người Mường đã làm song, khiêng về nhà gác, ông mo chọn được giờ tốt để làm lễ nhập-quan thì tay tả vác thanh gươm lên vai, tay hữu cầm cái chuông, rồi rung chuông, lại cầm một cành lá nành (tức là cây xã-

nhân), làm phép vào cành lá nhánh rồi quét vào quan-tài mà khấn rằng: « Những bóng vía con cháu, họ hàng, làng nước, cùng là thợ đục thợ trạm ở đâu, thì phải ra tất cả ; bóng vía ma đâu thì vào. » Ông mo quét ba lần ở trong quan-tài song rồi, thì con cháu họ hàng mới để bông tơ giải khắp lòng dưới quan-tài, rồi mới nhập quan. Con cháu đặt dường thờ, thờ cơm nước như là khi sống, ít ra cũng là một năm hay là hai năm để quan tài trong nhà. Khi nhập quan song thì gia-chủ làm thịt trâu hay là lợn để ông mo cúng vong-hồn, khi ấy ông mo vác gươm đứng dậy rung chuông, bảo vong-hồn rằng : « Mặt giời cầm sổ cho thôn chẳng rạng, cầm trạng cho thôn chẳng lành ; đã chết nên ma hôm nay (tức là thầy mo bảo vong-hồn rằng trên thiên-đình đã chấm sổ chết đấy rồi.) Ông mo lại thỉnh thánh-sư đem vong-hồn đi nhìn lấy tướng, nhìn lấy họ lấy hàng cho đủ. (1) Khi làm lễ song thì tất cả họ hàng phải ra lậy thánh-sư và ông mo rồi mới được ăn uống. Con trưởng và nội-tộc thấy kỳ-mục và dân làng ngồi vào mâm cơm thì phải đi lạy tất cả, để báo hiếu cho bố mẹ ; khi kỳ-mục dân làng ăn uống song rồi, thì con cháu nội-tộc mới được ăn, mà những con cháu họ hàng khi ăn thì rải lá vào cái nong, để đồ ăn lên trên, mà phải ngồi ở phía dưới linh-cữu, chứ không được ngồi ăn ở chỗ khác. Nhà có thì làm lễ ba hôm, nhà không có thì làm lễ một hôm hay là hai hôm, song rồi thì dân làng và thầy mo mới về. Kể từ hôm mất đến 10 ngày, 20 ngày, 50 ngày, 100 ngày, những ngày ấy đều phải làm thịt lợn hay là thịt bò để làm giỗ cả. Khi ấy đều phải đón ông mo đến làm lễ cúng cho vong-hồn, chứ con cháu không được cúng. Thảng hoặc để quan-tài thờ trong nhà một năm hay là hai năm, gia-chủ lo được đủ đồ làm ma, như là nhà xe, nhà táng và quan-tài bọc ba lần vải lây, và sắm sửa đủ cả lợn gạo trâu bò, mời cả dân đến giúp việc hiếu, lại đón ông mo đến. Bắt đầu ông mo cúng Thánh-sư, rồi ông mo vác gươm cầm chuông, đứng dậy thỉnh thánh-sư đem vong-hồn lên giời, để ông thánh-sư tâu với Ngọc-hoàng xin tha các tội lỗi cho vong-hồn, rồi ông mo lại cúng để đưa vong-hồn về. Khi làm lễ cử-hành nhắc linh-cữu đi dọc đường, lúc nào cũng bắn súng ; đến khi hạ huyệt, lại bắn ba phát súng nữa, rồi lấp đất. Song rồi rước vong-hồn về thờ ở nhà, con cháu mỗi ngày phải bưng cơm ra đặt ở mộ, ngày hôm thứ nhất thì đặt ở gần mộ, ngày thứ hai thì đặt ở nửa đường, ngày thứ ba thì đặt gần nhà thì thôi. Để trở đủ ba năm rồi làm lễ mãn tang. Khi làm lễ mãn tang, thì phải có trình rượu cần, cắm que vào ; thầy mo mặc áo đội mũ đứng dậy, mà con cháu thời quàng áo tang, không mặc, mà phải ngồi chung quanh trình rượu cần. Khi ấy thầy mo khấn rằng : « Vong-hồn chết đã ba năm ba tháng mười ngày, đem trình rượu cần này là trình rượu mãn tang, đem dưng tổ tiên và vong-hồn uống trước, để con cháu uống sau cho mát-mẻ. » Khi con cháu uống rượu cần, thì thầy mo đến từng người mà bỏ khăn, bỏ áo trở vất đi, giao cho người khác đem ra sông, suối mà giặt rịa ; rồi thầy mo lại đội khăn thâm cho con cháu, song tất cả rồi, thầy mo mới cất tiếng lên bảo con cháu rằng : « Nay là đủ ba năm, ba tháng, mười ngày, thầy đến cởi trái làm lành (*trái*, tức là cái áo xồ gấu) ; từ nay trở về sau, con cháu đều được thịnh-vượng mát-mẻ. » Rồi thầy mo lại thổi kèn mừng, tức là kèn bỏ tang mà lại được vui cười. Rồi thầy mo lại ráng thưởng ba câu. (1)

Tính tình dân mường. — Tục người mường, việc hiếu hay là việc hỷ, cày ruộng hay làm cửa nhà, ai có việc thì đến làm giúp lẫn nhau, gia-chủ phải thết cơm rượu, chứ không thuê mướn mất tiền.

Thảng hoặc có việc gì cần kíp, bất cứ nửa đêm hay mưa to gió nhớn, nghe tiếng động hiệu, thời đều chạy đến đông đủ cả, biết rằng hiệu ấy là hiệu cần kíp, cho nên không ai đến chậm.

1. — Tức là Thánh-sư, ông mo đem vong-hồn đi nhận mả bố mả mẹ và chỗ họ họ hàng.

(1) Ráng thưởng ba câu, tức là thầy mo hát theo lối mường, chúc cho gia-chủ

Tính người mường phần nhiều người thực-thà, không có hay xa-phí, mà cư xử với nhau phần nhiều thuận-hòa, chứ không hay sinh sự; xử với người trên rất là thành kính, đối với bè bạn thật là thực-thà, không có sự lừa rối: *cơm đồ, nhà gác, nước vác lợn thui*, nghĩa là người mường ăn toàn sôi, cơm đồ tức là sôi, nhà thì toàn nhà gác; nước vác là đi lấy nước sông, nước mỏ cho vào cái ống bương to rồi vác về; lợn thui là công việc gì lấy rơm phủ vào mình lợn, đốt bong da, rồi lấy dao cạo lại và rửa cho sạch mới đem làm thịt.

Việc cưới của dân mường. — Người mường, khi con trưởng-thành, lấy vợ cho con, lúc đi hỏi, đem một đôi vòng bạc, bánh chưng, bánh giầy, hai đôi mía, dầu cau. Bên nhà gái thuận gả thời chọn ngày cho cưới. Bên nhà giai phải giẫn của cưới: lợn hai con, gạo sáu thúng, rượu một trăm chai, bạc tám chục đồng. Khi rể đến nhà gái, thì bên nhà gái cũng ném như tục nhà lang đã nói trên, rồi làm lễ, ăn uống; ăn uống song, thì đưa dâu về lúc nửa đêm. Khi đưa dâu thì bên nhà giai đánh cái cồng mà bên nhà gái cũng đánh cái cồng, để cho biết duệ-hiệu của dâu rể. Khi dâu về đến nhà chồng, thì dâu cũng đội nón lễ ông Táo-quân, rồi bên nhà chồng làm lễ tổ, dâu đi lễ, song rồi thì lễ bố mẹ chồng và họ hàng; khi dâu lễ họ hàng thì người cho một đồng, người thì cho năm bảy hào, nhà nào đông họ hàng, thì nàng dâu cũng được năm bảy chục bạc.

Khi kỳ-mục hay là dân sắp đi hỏi vợ cho con, rất là phải hỏi cho kỹ-lưỡng mấy đời giờ về trước bên nhà gái, giòng-dõi có sạch-sẽ thì mới lấy; nếu mà giòng-dõi biết chài, thì không ai dám lấy.

Các đồ cổ ở xứ mường. — Những đồ quí-báu và linh-ứng ở xứ mường này, có nhà ông quan lang Đinh-thế-Lộc, quán ở xã Thạch-Bi là xã Phong-Phú bây giờ, thuộc châu Lạc-Sơn, có một cái sanh to 4 tai, luộc thịt trâu hết độ chừng chín mười con, lại một cái sanh nữa, trong lòng có 3 ngăn, một cái trống đồng đẹp rất lạ, một cái miếng 3 họng (1), đúc từ đời Hồ quí-Ly, cái trống đồng đúc từ đời vua Hùng-vương.

Cái miếng 3 họng rất là linh-thiêng, hễ khi nhà quan Lang ấy có việc hiếu, thì mới dùng cái miếng này mà đồ sôi để cúng tế. Khi sắp đồ sôi thì phải bầy mâm cỗ cúng ông thần miếng và 2 tai cheo 2 miếng thịt, nếu không cúng và không cheo thịt, thời cứ đun cả ngày cũng không lên hơi mà không chín sôi, thường khi lại vụt nước lên bỏng cả người. Cái miếng này, khi nhà ông quan lang song việc hiếu, thì có một họ tên là Đạo-Kèm, quán ở xã Địch-giao, mang cất cái miếng ấy lên sườn núi mà chôn, mà phải làm lễ một con lợn, nếu họ khác đem đi cất thì không được. Khi đem đi cất thì chôn cái miếng ấy ở trên sườn núi, hễ khi nào nghe cái miếng ấy kêu ầm ầm thì Đạo-Kèm lại phải thăm miếng, nếu thấy nổi lên đủ hai tai, thời nhà quan lang đã sắp có việc hiếu, nên nó báo trước, chỉ cách một tháng hay là hai tháng thì nhà quan lang quả-nhiên có việc hiếu, Đạo-Kèm lại phải đem một con lợn làm lễ rồi mới mang lấy cái miếng ấy về nhà quan lang để đồ sôi cúng tế. Hiện bây giờ hãy còn như thế.

Tục hiếu hỷ ở Thổ, Mán. — Tục hiếu hỉ của người thổ thời cũng như người mường, không khác gì mấy. Về việc hiếu chỉ khác rằng con rể báo hiếu cho bố vợ, tục phải giồng *cột cạo* (2) ở bên cạnh lăng; người nào không sinh con gái thời đến lúc chết phải mượn một người con rể trong họ để làm như thế, mới mát-mẻ.

Tính hạnh người Thổ thì thuần-thục và thật-thà, đối đãi với bè bạn thì không có hay lừa dối, sử với bề trên rất là trung thành; ẩm thực cũng như người mường.

Phong tục người mán Cao-lan, sơn-đầu, thì bố hay mẹ chết, cũng làm quan tài bằng cây gỗ tròn rồi làm nhà táng úp vào quan tài để trong nhà; nhà giầu thì đón thầy mo về cúng và làm ma ba đêm ngày. Khi sắp cử-hành thì mỗi một nhà phải một

(1) Là cái ninh để 3 chõ sôi.

(2) Một cây gỗ cao, ở trên có hình con chim, tiếng thổ gọi là « cây cạo ». Sự này có điển-tích, nay lược.

vác củi đem ra ở một nơi cạnh nhà có việc hiếu độ một kilomètre, rồi sếp củi thành đống lại đấy; khi cử-hành khiêng quan tài ra để lên trên đống củi ấy, rồi họ hàng, làng xóm mang lửa đốt đống củi ấy cháy hết cả, mới bới đống gio ấy, nhặt lấy xương tra vào một cái hũ sành, bịt gắn thật kín, rước về treo ở bờ rào, chứ không để trong nhà. Sau rồi nhờ thầy địa-lý mán, hoặc một năm hay là hai năm tìm được đất, mới mang hũ hài cốt ấy đi chôn. Tục người mán có họ thì phải đốt như thế mới mát mẻ, có họ không phải đốt như thế, nhưng khi đã chôn rồi không được cải táng.

Tính hạnh người mán không có xa-phí mà lại chặt-chẽ, người thì thật-thà không có ăn trộm ăn cắp lẫn nhau.

Nhà thì nhà gác làm soàng ở trên ngọn núi. Thóc gặt về thì để vào bịch. Mỗi nhà có một cái máng nước, lấy nước trên núi chẩy vào nhà, chứ không phải đi vác.

Việc cưới thì soàng, bên nhà gái cắt cho nhà chồng phải có bạc độ 3 nén ; lợn thì lấy độ 100 hay 200 lạng thịt ; gạo rượu đủ thì thôi. Khi dâu về nhà chồng, không có gối, chăn, chiếu, đệm, như là người Mường.

Những người mán kiêng và sợ nhất là thịt chó vì thế nên phải ở trên núi cao; ở chỗ thấp sợ người ta mang chó ra suối mồ, chẩy nước xuống mà nhỡ ăn uống phải chăng.

Còn như mán mèo, mán đeo tiền, làm nhà cũng ở trên núi, nửa ở gác, nửa ở đất; cách ăn uống rất là bẩn-thỉu, không được sạch-sẽ.

Sự chài của dân mường. (1) — Tục mường xấu nhất là sự biết chài, nghĩa là dùng ma-thuật để làm hại người. Kẻ biết chài mà nó thù hằn ai thì nó lấy một ít tóc, quấn vào một cái kim thật chặt, rồi để cái kim ấy lên trên bàn tay, phù trú cho cái kim ấy bay đến nhà thù kia. Khi mà trong nhà kia bị ma chài đến thời không biết, cách một hôm thời biết ngay, là vì khi dọn cơm, ăn song bữa thời cả nhà đều mửa tất cả và đều sốt rét cả ; về sau đấy cứ bữa nào cũng mửa, rồi người nhà đều yếu-đuối gầy mòn. Đã bị như thế thời nhà ấy phải đi tìm thầy trượng (tức là thầy cúng mường) đến để làm lễ mà nhương trừ, mới khỏi.

Ấy là thù vừa thời nó làm như thế; nếu nó thâm thù ai mà định làm cho người ấy đến phải chết, thời nó có thể bắt bóng vía người ta, đem ngâm xuống nước ; hoặc là làm cho người ấy ăn phải cái kim quấn tóc, rồi trong bụng nó xưng lên thành khối, như thế thời có thầy cao tay lắm mấy chữa cho sống được.

Những người biết chài, nó đến chơi nhà ai giầu, thấy nhiều gà vịt, xin một con mà không được, thời nó chỉ khen một điều rằng : « *yêu lắm* » đến tháng sau, bao nhiêu gà vịt đều chết cả.

Trong một làng mường, chỉ có độ một hai người biết chài, chứ không phải ai cũng đều biết chài cả. Kẻ biết chài làm hại nhân vật, cũng như một con cọp dữ ; mà đem nó lên quan thời lại không có tang chứng gì. Khi trước triều-chính An-nam, hễ đứa nào biết chài, làm hại nhân vật, thì đồng dân đuổi đi biệt-xứ ; quá lắm thời người ta bắt tất cả nhà nó, bỏ xuống hố *răng sâu* (là cái hố đất sâu xuống ba trượng mà không có nước, chỉ mùa mưa mới có nước).

Ở mường xấu nhất là sự biết chài, hơn là mồ đường xuôi : nếu người lành mà người ta ngờ cho là biết chài, thời lấy làm một sự xấu-sa không gì bằng.

Vì thế cho nên sự lấy vợ gả chồng ở mường, phải gạn hỏi rất cẩn thận. Họ nào biết chài thời những nhà lành không ai dâu-da với.

HẾT

(1) Sự này thuộc về ma-thuật, nguyên-văn của soạn-giả còn dài, Bản-chí lược trích mà phụ-biên ở cuối đây, cũng để các độc-giả biết qua rằng ở trên mường có cái dị-đoan như thế.

AN-NAM TẠP-CHÍ

Tạp-Ký

CÂU CHUYỆN CON KHỈ

Xin các ngài đọc báo chớ thấy cái đầu-đề mà vội cho là câu chuyện không đáng nghe, câu chuyện là câu chuyện « *con khỉ* » thật, mà nếu các ngài nghe song có lẽ lại cho là lý-thú hơn cái câu chuyện con người. Vậy xin phép cho được nói.

Một người bạn ở đường rừng về chơi, có thuật nhiều chuyện cho ký-giả nghe, chuyện gì nghe cũng hay hay, nhưng hay nhất chỉ có câu chuyện « *con khỉ !* » Là các nhà hay đi săn bắn ở trên rừng đã nghiệm ra rằng : giống khỉ thật là một giống tinh khôn, biết kết hiệp nên đoàn-thể, mà lại biết giữ-gìn binh-vực nhau : nếu xét ra có con nào vì tham ăn hay làm sự gì có hại cho đoàn-thể, thì cả đoàn hiệp lại, mỗi con cắn một cái; nếu phải là cái tội nặng thì cắn đến chết mới thôi. Lệ thường, khỉ ở núi kéo nhau xuống dưới đồng ruộng kiếm ăn, thì có cử một con khỉ ngồi ở trên một cây cao gần chỗ đó, để trông ra bốn bề xem có sự gì nguy hiểm, nhất là có người săn bắn ở đằng xa đi lại thì lập-tức kêu hú lên một tiếng thật to, cho cả đàn cùng chạy. Vậy mà có một hôm kia, đàn khỉ đang ăn trong ruộng ngô, có mấy người lẻn đến bắn, con khỉ ngồi trên cao, không rõ là vô-tình hay mải nghĩ về sự riêng gì, mà không biết để báo cho đàn ở dưới biết, nên phải mấy con bị thương. Đàn khỉ vội-vàng khiêng mấy con bị-thương lên núi, để yên một chỗ, rồi ra hiệu gọi con khỉ trên cây xuống, bắt ngồi thật im, rồi cứ lần-lượt mỗi con chạy lại cắn một cái. Con khỉ kia ý chừng cũng biết tội, nên đành cứ chống hai tay xuống đất, cúi đầu cắm mặt mà chịu để cho cả đoàn tự ý ra hình, không dám cựa, mà cũng không dám kêu la chi cả.

Câu chuyện "*con khỉ*" như thế, có lý-thú không ? Tưởng không những là có lý-thú mà lại khiến cho « con người » chúng ta phải cảm-động nữa. Làm thân một con khỉ, là một cái phần-tử nhỏ-nhen ở trong một loài vật mà con người vẫn cho là hèn-mạt xấu-xa, vì một cái tội lỗi làm hại giống hại đàn, thế mà không chánh khỏi, không những không chánh khỏi mà lại biết tội không dám chánh. Vậy thì ta cũng có thể giảm-đẳng cho cái « con khỉ » ấy, vì nó dẫu có tội, nhưng nó cũng còn có lương-tâm, biết xấu hổ, biết ăn-năn là đã làm hại đoàn-thể. Vậy nó lại chẳng hơn những cái « con người » chúng ta đây, mặt mũi khôi-ngô đẹp hơn khỉ, trí thức khôn-ngoan tinh hơn khỉ, lại có đặc-sắc mà đời nhà khỉ không bao giờ có là kiến-văn rộng, học-thức giỏi, văn-chương hay ; ngờ đâu cái con người như thế mà lại nỡ lòng làm những việc độc ác là ngấm ngầm hãm hại đồng-bào, để cầu lấy sự vinh hoa phú quí riêng cho mình, vậy mà cứ mặt dạn mày dầy, không những không biết ăn-năn xấu-hổ như khỉ, mà lại láo hơn khỉ là khéo giả danh thương nòi yêu nước, đem những cái giọng nhiệt-thành tâm-huyết phỉnh-phờ, lừa người thật dạ ngay lòng, để giựt tròng mà lấy công cho thêm vẻ-vang sung-sướng. Như vậy thì con người với con khỉ, đằng nào hơn ?

K. H. . .

Lục-tỉnh Tân văn

VĂN THƠ

Nghề làm thơ

Trong thiên-hạ có một nghề rất vô-dụng mà rất khó, là cái nghề làm thơ. Thơ cũng là một giống trong vận-văn mà khó hơn hết cả. Trong loài thơ, như *tứ tuyệt, cổ-phong trường-thiên* còn hơi dễ ; đến như thơ *thất-ngôn Đường-luật* (tức là lối *tám câu năm vần*) thời thật là khó quá, từ xưa đến nay có nhẽ không mấy bài được toàn, dẫu đến tay nhà nghề thường cũng chỉ được đến bốn câu hay là nhiều, còn thời cũng chỉ gọi là thông mà thôi, hay cả tám câu thời tuyệt hiếm. Không biết tại làm sao mà một nghề thơ đó trong văn-chương, khó đến như thế ! Hoặc cũng vì một chỗ khó đó, cho nên chỉ là một nghề vô-dụng mà vẫn có giá-trị chăng ? Cứ như thơ quốc-âm của ta gần đây, những người có tiếng

hay như ông *ba Giai*, cụ *Yên-đổ*, bà *Thanh-Quan*, nàng *Xuân-Hương*, kể cũng không ít kẻ ; song có thể gọi là "*tay nhà nghề*" thời có nhẽ chỉ một *ông tú Xương* mà thôi. Thơ ông tú Xương, tuy rằng bài tám câu không hay được cả tám, nhưng trong bài nào tất cũng có câu hay mà không câu nào đến có bệnh. Lại như thơ các người khác, mỗi người hay mỗi vẻ ; thơ ông Xương thời đủ hết các vẻ hay. Trong thi-đàn quốc-âm, ông thực triếm riêng một chiếu vậy.

Hiện-thời nay không có ai nổi tiếng trong làng thơ, nhưng một hai câu hay không phải là không có. Thơ đã là một nghề khó thời dẫu một hai câu hay cũng là quí, mà là người trong làng thơ thời càng nên lượng cho nhau và quí nhau. Nay tôi vì một mối cảm-tưởng đó, nên nghe biết được câu nào của ai, trộm phép đăng lên An-Nam tạp-chí, cùng những câu trong các bài đã có đăng ở An-Nam tạp-chí mà ý riêng lấy làm thích đều có nhời bình luận ở sau, cốt là để tỏ tấm lòng quí nhau vậy.

1°) *Sớm trông núi Tản đèo Tam-đảo,*
Chiều ngắm sông Tương ngọn Lục-đầu.

Đây là hai câu trong bài thơ của một người tương-thức của tôi là ông *Lương-ngọc-Tùng*, khi đó làm thư ký ở một sở đồn-điền ở Lục Nam, gửi về thăm tôi ở Sơn-tây. Một người ở Lục-Nam gửi về thăm một người ở Sơn-tây mà như hai câu này, thật là thiết cảnh mà vô hạn tình tứ-luyến, lại cũng tề-trỉnh mà đẹp nhời, có thể gọi là câu thơ hay vậy. Tiếc rằng núi *Tản-Viên* không phải là *Tam đảo*, Tam-đảo riêng là một ngọn núi ở về tỉnh Vĩnh-Yên ; tác-giả ở xa không rõ, hoặc nhầm vì Tản-Viên có tên là "*Ba-vì*" mà đặt như thế chăng ? Chữ "*Tam-đảo*" đối với chữ "*Lục-đầu*" thời thật hay mà lại ra sai hỏng như thế ; thế càng biết được một câu thơ hay là khó vậy. Song đã là lượng cho nhau thời chỗ nhầm cũng nhầm mà chỗ hay cứ hay.

2°) *Chừng-trạo giang sơn hai mắt ngược,*
Vông-vênh hồ hải tám chân ngang.

Hai câu này là ở trong bài thơ "*vịnh con cua*" của ông *Ngô-tất-Tố* là trợ-bút của An-Nam tạp-chí, ông có từng đọc cho tôi nghe ; tôi nghĩ đi nghĩ lại, lấy làm thật hay, khó mà chữa được chữ nào nữa. Sáu chữ "*hai mắt ngược, tám chân ngang*", thật tả được cái chân-tướng của con cua ; bốn chữ *chừng-trạo, vông-vênh*" lại thật tả được cái tinh-thần mắt ngược chân ngang của con cua đó ; bốn chữ "*giang sơn, hồ hải*" thời đặt được có khí-tượng mà thực cũng không ngoa. Hoàn-toàn mười bốn chữ hai câu, trác-lạc hùng-hồn, đủ là hai câu thơ hay vậy.

3°) *Thân tớ vì không lành tựa đất,*
Cuộc đời hỏ dễ đã ra gio !

Hai câu này là ở trong bài thơ "*ông Táo tự thán*" của ông *Nguyễn-công-Hoan* hiện làm giáo-học ở Hải-dương, ông có đọc cho tôi nghe trong khi ông còn học ở trường Sư-phạm Hà-nội. Hai câu này, văn thiết-thực như không có điêu-luyện gì, nhời ung-dung mà vô hạn cảm-khái ; khiến cho người đọc đi ngâm lại, như sinh có một cái tình-tự vơ-vẩn ngậm-ngùi. Thơ như thế cũng có thể gọi là hay vậy.

4°) *Bia đá mai-mòn theo sóng nước,*
Bảng vàng tan-tác với phong sương.
Công hầu đế bá trăm năm trắng,
Phú quí vinh hoa một giấc vàng.

Bốn câu này là ở trong bài thơ "*đời người*" của ông *Anh-viên Nguyễn-văn-Năng* ở Thái-bình, đã đăng ở An-Nam tạp-chí số thứ 3, chắc các độc-giả đã biết qua. Bốn câu này ý nghĩa không có gì là mới, lại hai vế điệp nhau, lại ba chữ "*trăm năm trắng*", nhận như có hơi cưỡng ; duy nhời thơ thời tơi-bời bay-bướm mà nghe ra ảm-đạm thê-lương, lấy về đẹp nhời kêu câu thời có nhẽ nhất trong thơ quốc-văn từ xưa đến nay vậy.

5°) *Bến đò xưa đó với cây đa.*

Một câu này là câu kết ở bài "*vịnh bức địa-đồ bia trước báo An-Nam*" của ông *Nguyễn-anh Tuấn* ở Vĩnh-long Nam-Kỳ, đã đăng ở An-Nam tạp-chí số 7, chắc các độc-giả cũng cùng biết. Trong khi đăng bài thơ đó tôi không rõ nghĩa câu này ra làm sao, mà nghe ra như rất có ý-vị và đã ngờ rằng tất có dùng điển-tích. Quả-nhiên sau được nghe một người bạn ở trong Thanh ra chơi, nói truyện rằng : « nguyên xưa có cậu

rằng : *Trăm năm vì nỗi hẹn-hò*, *cây đa bến cũ, con đò khác xưa.* » Lại nói điển-tích rằng: « nguyên xưa có một người học-trò đi qua một cái bến đò có cây đa, đến lần sau về lâu lại đi, thời cây đa vẫn ở bến cũ mà con đò cùng là người chở đò đã đổi khác, cho nên có câu lụ-bát ấy. Chữ *xưa* trong câu ấy, có người đọc là *đưa*. Câu ca ấy, người ngoài Bắc ít biết.» Từ biết câu ca ấy mà mới rõ câu thơ này thật là ý-vị rất hay : chỉ dùng câu cỏ nói thoáng qua, ý không hết ở nhời, mà cái cảm-tình đối với giang sơn, lâm-ly vô hạn. Câu kết như thế, thật là câu thơ hay.

6° *Á cũ qua rồi, mới chửa Âu ;*
Học Kiều xúm-xít bọn mày râu.

Hai câu này ở bài "*cảm-tác về ngày kỷ-niệm cụ Nguyễn-Du*" của ông *Kim-Hà*, đăng ở kỳ này bên dưới đây. Hai câu này nhời rất cứng-cỏi, không có mềm-mại chút nào ; bảo là câu thơ hay, khó thể cho làng thơ công nhận. Song như một câu trên, cách dùng chữ thật mới, mà lập thế cho câu thừa cũng hay, câu thứ hai thời cứ thực-sự tả ra mà nghị-luận đáo-để : hai chữ « *xúm-xít* » tả được cái trạng-thái của một bọn người ngu dại vô kiến-thức tư-tưởng, xuống đến ba chữ « *bọn mày râu* » thời tỏ ra đáng khinh mà đáng thương, đọc luôn hai câu mà nghe, thời lại như có vô hạn sầu cảm đối với trình-độ sĩ phu và phong-trào học giới của nước nhà, có thể đương được một thiên nghị-luận của người khác. Thơ cảm-thời như thế, cũng có thể gọi là hay vậy.

Thơ hay, mỗi người mỗi vẻ, xem thơ, mỗi người mỗi thích. Những nhời bình-luận ở trên đây, chẳng qua là cái ý thích riêng của tôi như thế nhân biểu ra đó để tỏ lòng quí nhau, không dám bảo là định-bình ở trong thi-giới vậy. Sau này có nghe biết được câu nào của ai nữa, xin sẽ lục-tục đăng-tải và bình-luận, cũng chỉ để chơi riêng trong làng thơ. Cái thú tủn-vủn đó, cũng chỉ người trong làng thơ có biết với nhau vậy. Nếu lại có thì giờ nhàn rỗi, sẽ xin cùng các độc-gả đàm-luận rộng về các thứ văn quốc-văn.

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Nhân kỷ-niệm cụ Tiên-điền Nguyễn-Du cảm tác

Á cũ qua rồi, mới chửa Âu ;
Học Kiều xúm-xít bọn mày râu.
Vẩn-vơ người ấy phường giăng gió ;
Đau-đớn lòng ai cuộc bể dâu.
Mấy khúc đoạn-trường khơi mối dục,
Một giây bạc-mạnh chuốc cơn sầu.
Ai ơi thức cụ Tiên-điền dạy,
Làm để người sau dại thế ru ?

Kim-Hà

Lão nông than mưa

Muốn bắc thang lên đến tận giời,
Hỏi giời mưa mãi biết bao thôi ?
Răm sào mạ giống chôi phăng cả,
Mấy luống rau tương nát sạch rồi.
Gánh vác vua quan đành có trẻ,
Thuế sưu nhà nước để phần ai ?
Bâng-khuâng luống tủi nguồn-cơn ấy,
Muốn bắc thang lên hỏi tận giời.

Qua Thúy-sơn hoài cổ

Mấy mảnh bia tàn, ngọn núi cao,
Một mình ta luống ngẩn-ngơ sao.
Tháp xưa Linh-tế giờ đâu nhỉ ?
Nền cũ Li-cung ở chốn nào ?
Bốn mặt non sông chiều bảng-lảng,
Một vùng cây cỏ cảnh dìu-hiu.
Ai về nhắn hỏi hồn sơn-chủ,
Cụ có thiêng không ? cụ Hán-Siêu.

Qua bến đò cũ nhớ bạn

Bến cũ đi về khách gọi nhau,
Thuyền tình lơ-lửng, bạn tình đâu ?
Đường về chốn cũ rêu phong kín,
Nghìn rặm non sông một mối sầu.

PHUC-ĐÌNH
Dương-duy-Dzao

Giang sơn vấn đáp

Khi thong-thả anh Sông anh Núi,
Hai anh em cùng nói truyện chơi.
Núi rằng : « đáng chán cho đời,
« Biết ta mà chẳng ai người với ta,

« *Nghĩ lắm lúc sương pha giọt lệ*
« *Ngồi buồn tênh biết kể cùng ai,*
« *Hôm nay nhân buổi mát giời,*
« *Vứt tình bè-bạn, ngỏ nhời tâm-can.* »
Sông nghe nói, chứa-chan giọt lệ,
Khóc thưa rằng : « Bác kể làm chi !
« *Người đời mấy kẻ ra chi,*
« *Ăn no vỗ bụng, thiết gì đến ta.*
« *Càng nghĩ đến, nghĩ mà càng chán,*
« *Thôi công đâu than-vãn rậm nhời.*
« *Bán sầu, ta gượng làm tươi,*
« *Cõi trần chi quản ai người tương-tri.*
« *Bác về hái rau vi mấy ngọn,*
« *Để tôi về kiếm món cá tươi,*
« *Gật-gù đánh chén ta chơi,*
« *Truyện đời hay dở mặc người trần-gian*
« *Nay thời-thế gian-nan điên-đảo,*
« *Hãy chờ xem cơ tạo xoay vần.*
« *Bể dâu từng chải trăm lần,*
« *Dễ mà mòn, cạn, mà cần phải lo !*
« *Cùng nhau hãy chén cho say khướt,*
« *Bạn-bè cùng gió mát giăng trong.*
« *Mai sau còn lắm tao-phùng,*
« *Nước non đâu thiếu anh-hùng mà lo.* »

Trúc-sơn
PHẠM-VĂN-NGHỊ

Cái đồng-hồ báo thức

Đồng-hồ kia ơi ! một mình my kêu tí-ta tí-tách, my kêu mãi, my kêu hoài ! my kêu rí-ỉa rí-rách, xuốt một đêm dài, my đã chán thưa ?

Nỗi-niềm my những rỉ-rắn, họa may có ca tỉnh mà thấu chăng cho my cùng. Khen cho my, chí dạ anh-hùng, gọi người gọi vật để vẫy-vùng trong bữa hôm mai.

Đồng-hồ kia ơi ! my kêu mãi, lẽ đâu hoài ; tiếng gà rộn-rịp, mái ngoài giời đã rạng đông ; vì tiếng chuông my vang-động tứ-tung, anh-hùng hồ-thỉ đã sớm vẫy-vùng khỏi chốn đêm qua.

Ngán thay tiếng chuông my kêu mãi thế mà, còn nhiều người mê ngủ chẳng là nó phí cái công my !

Long-ri

Bức thư giả nhời của người tình-nhân không quen biết.

Ông Tản-Đà có gửi mấy bức thư cho tình-nhân không quen biết, bẩy tám năm chẳng thấy hồi-âm ; lòng ông mong-mỏi nhớ nhung, bấy phen bứt-rứt. Nay kẻ viết bài nàycũng chưa chắc đã là tình-nhân của ai, mà ai cũng chưa hẳn là tình-nhân của người đó. Song đọc thư ai sinh cảm, cảm sinh tình, cầm bút viết mấy lời gửi ai, dù quen biết, hay không quen biết, đọc thư nhau xin thấu lòng nhau.

N. D. C. S.

Tiếp được thư ai gửi nhắn ai,
Bút cùn mực cạn khó nên lời.
Xin ai chớ tưởng ai không biết,
Non nước này nên phải nín hơi.

*
* *

Ngồi nhớ lại cảnh giời thủa trước,
Riêng một bầu non nước thảnh-thơi,
Xuân-quang rực-rỡ tuyệt vời,
Trăm hoa hớn-hở, vui cười với xuân.
Nay nghĩ máy xoay vần cũng lạ,
Vừa xuân mà phút đã xuân qua :
Vườn xuân khói toả sương sa.
Nhớ xuân ai chẳng sót-sa trong lòng !
Mở mắt thấy giời đông ảm-đạm,
Ngắm non sông gợi thảm khơi sầu,
Xuân nay nào biết tìm đâu !
Những trông quá-khứ, những cầu tương-lai,
Cố cầm bút gửi ai một lá,
Dù quen nhau hay chả quen nhau.
Biết nhau biết những từ bao,
Nhớ nhau chi để bạc đầu say-sưa !
Thơ mấy bức những chờ cùng đợi,
Những đợi chờ ai hỡi hay chăng ?
Mấy phen ta luống ngập-ngừng.
Muốn kêu nhưng nghĩ trông chừng kêu ai ?
Lòng đau-đớn thương dời say mãi.
Say mãi mà vẫn hãi chưa thôi.
Thương ơi, giấc mộng lâu rồi,
Mà đời hủ-bại còn dài mãi ru !
Nay ta lúc ngẩn-ngơ đêm vắng,
Cảnh non sông thấy lặng như tờ ;
Trông ra u-ám mịt-mờ,
Gió đưa hơi lạnh, đèn trơ bóng vàng.

Thoảng tiếng trống canh trường đâu hết,
Bọn ngu-si bán rẻ tuổi giời,
Trong vòng hoa nguyệt miệt-mài,
Giang sơn câu truyện ngoài môi thiết gì.
Này đàn muỗi vo-ve nhớn nhỏ.
Nọ lũ rơi khoe bộ khoe tài,
Nóc nhà đám chuột đua hơi,
Cảnh này mắt thấy lòng người buồn teo
Toan nói hết xem chiều khó nói,
Canh đã tàn tựa gối bâng khuâng.
Giọt châu lã-trã đôi hàng,
Hoa lan rừng tối mơ-màng ai hay.
Cảnh nhân-thế đắng cay là thế,
Viết khôn cùng xin để thư sau.
Chẳng quen xin nhớ lời nhau,
Khi thân chẳng lọ là cầu mới thân.
Cùng non nước nợ-nần một gánh.
Cùng bước chân lên cảnh xuân tàn.
Sao cho chủ nghĩa vẹn toàn.
Mấy lời trân - trọng muôn ngàn về sau.

N. D. C. S. A. V.

Hài-đàm

Bạn mua báo, có người hỏi tôi rằng :

— Ở xã-hội ta nay, hay gọi nhau bằng « *cụ* », những người 30 tuổi cũng gọi nhau bằng *cụ*. Nay nếu như vào chơi một nhà, người 30 tuổi đó đã chào là *cụ* ; lại thấy có ông cụ chừng hơn 50 tuổi, lại thấy có bà cụ chừng hơn 70 tuổi, vậy thời nên dùng những tiếng gì để chào. Năm mới gần đến, sự chúc tết cần dùng tiếng chào gọi, xin Quí chủ-bút bảo cho.

Nhời đáp :

— Theo như ý khách mà tất muốn lấy nghĩa cho chánh-đáng, thời những bực trên đó, tiếng ta thật không đủ dùng. Bất-đắc-dĩ thời tôi xin nghĩ rằng : sự đó phải lấy vần quốc-ngữ làm truẩn. Như người 30 tuổi đã chào là *cụ*, con người ấy thời là *cu* (tức là thằng cu) ; những bực trên thời cứ theo các giấu sắc, huyền, hỏi, ngã mà gọi : trên bực *cụ* thời là *cú*, trên bực *cứ* thời là *cử*, trên nữa thời là *củ* là *cũ*. Thưa các cụ nghĩ sao ?

Tản-Đà

Kính cáo

Gần đây nhiều Ngài độc-giả viết thư hỏi về sự mất báo, lại trách bản-quán không giả nhời ; vậy xin giả nhời chung để các Ngài rõ cho rằng : Ngài nào mất báo, bản-quán đã phải gửi đền đã là một sự thiệt-hại ; nếu lại cứ mỗi cái thư mà giả nhời nữa thời tiền tem lại tốn là bao nhiêu. Vì rằng : về phần các Ngài mỗi người gửi cho bản-quán một cái thư, mà bản-quán nếu giả nhời lại thời phải giả nhời nhiều lắm. Như thế mà kỳ nào cũng có nhiều báo mất, thời sự thiệt-hại cho bản-quán là bao nhiêu. Việc gửi báo, gần nay bản-quán càng phải kiểm-soát cẩn-thận mà vẫn cứ mất mãi. Bản-quán chưa tìm được cách nào giữ khỏi ; vậy mà nhiều ông viết thư gửi về trách, nhời-nhẽ nặng-nề, thậm oán vì thế mà không mua báo nữa, thực là một sự rất buồn cho bản-quán vậy. Nay xin phải nói rõ như thế để các Ngài lượng cho ; như Ngài nào có cách gì đối với nhà giấy thép mà giữ được sự mất báo, xin dậy cho bản-quán biết, bản-quán rất lấy làm cám ơn.

An-Nam tạp-chí

Tiêu-diêu-du (A)

Đây là một thiên thứ 7 trong quyển tiểu-thuyết **Giấc-mộng-con**, *chép sự du-lịch Bắc-băng-dương của một bọn người thám-hiểm. Quyển Giấc-mộng con hiện nay đương tái-bản, mà xuất-bản được liệu cũng còn hơi chậm vậy nay đăng một thiên này lên Tạp-chí, để tạm đối với cái hậu-ý của các Ngài nhắn mong chờ đợi bấy lâu nay.*

Soạn-giả chí

Ngày tháng Janvier năm 1922, từ kinh-đô Washington đứng dậy đi, qua mấy tỉnh to, đến một chỗ, nước hồ mênh-mông, là đã dáp-giới với thuộc-địa của nước Anh là Canada (Da-nã-đại.) Năm cái hồ nhớn cnẩy thông nhau, buồm tầu ngày đêm không rướch bóng. Một hôm, tàu đi trong hồ Erié, đứng lắng tai xa nghe, có tiếng ầm-ầm như thiên binh vạn mã ở mặt trước. Đi tới một ít nữa, trông về mạn đông-bắc, một làn trắng xóa dài đến ba bốn trăm thước tây, từ trên khoảng cao buông dải xuống, tựa như thể sông Ngân-hà tức, vỡ, chảy chút xuống nhân-gian, thời là cái chênh nước Niagara, cao ước 50 mètres. Khi tầu đã đỗ bến, đi theo đường bộ đến tận nơi, thời giữa cái chênh nước ấy có một cái đèo nhỏ bằng đá, chân cái đèo đá ấy có một cái đường hang ; đi ở trong đường hang, như sét đánh trên đầu, như bão lộng ngoài tai, như mưa táp xuống mặt, là một chỗ vừa mưa, vừa bão, vừa sấm xuốt quanh năm, kẻ hèn người yếu không thể kham, nhưng thật là một cảnh chơi riêng rất kỳ-thú cho những các con nhà thích mạo-hiểm. Cái chênh nước nhớn ấy, không những là một cảnh-trí lạ đẹp, mà lại là một kho sức mạnh vô cùng : người nước Mỹ có đem dựng cái nhà máy gần đấy, lợi-dụng sức nước để chạy các máy ; kể thực-tế về trên sự văn-minh cho một nước cũng nhiều, nhưng tình-cảnh thiên-nhiên cũng có vẻ thế bớt một đôi phần phong-thú. Qua cõi đất Canada, sang đến Alaska, lại là một địa-hạt riêng của nước Mỹ. Đường đất gần thuộc về giải lạnh, khí-hậu mỗi ngày lạnh hơn. Đến mạn bắc xứ ấy, ngày đêm đều 20 giờ đồng-hồ. Ở chơi năm ba hôm, rồi theo mấy nhà thám-hiểm lên bể Bắc-băng-dương, thẳng tiến về mặt bắc. Tầu đến một chỗ, băng cứng quá, không đi được, nhân cùng đeo vật-dụng lương-thực xuống đi bộ. Từ đấy mà đi, thì-giờ toàn thuộc về phần ngày. Đi mệt quá, thời dải mấy lần chiên trên mặt băng, cắt canh nhau để coi lang (chó sói), rồi ngủ. Ngủ dậy, ăn song lại đi. Mãi đến một chỗ, xét ra thấy có đất. Mặt đất cũng toàn băng. Rét cắt da thấu xương, ống hàn-thử xuống dưới 0 độ đã hơn 40 độ. Kể từ lúc mới xuống tầu cùng đi, tất cả 23 người. Trước sau bị chết mất 7 người, đến đấy chỉ còn 16 người, đều không ai biết đấy là nơi nào ; ý tất là một cái cù-lao mới chưa ai đến. Sau khi đã lên đất, lấy kính thiên-lý trông đằng xa, tựa như có rừng cây. Đến nơi, quả là một rừng thông, cành lá lơ-thơ, như cảnh-sắc các thứ cây về mùa đông dưới giải ấm. Đi trong rừng thông ấy, băng tuyết ít thấy, khí giời dần dần càng ấm hơn. Rừng gần hết, băng tuyết hết ; hết rừng, lộ ra một chàn hoa, trăm đóa hoa tranh tươi, cái khí-tượng mênh-mông như một cánh đồng mùa của các nhà hầu vương nước truyên-chế. Chốn ấy nếu không có người ở, chẳng cũng là một nước Hoa ? Trong chàn hoa, thấy có nhiều *cột sắt* như cột giây thép ở dưới ta mà cao đến gấp hai ; mỗi độ trong 100 mètres carrés thời 10 cột như thế, trên có chằng lưới thưa bằng sắt ; lưới nọ thông lưới kia, truyền nhau như mạng rện. Dưới mỗi lưới, hoa chia làm mỗi khu, có đường đi. Đi ở trong đường hoa, khí hòa hương ngát, hồn thanh cốt nhẹ, dẫu cho bụng đầy chứa bỉ-tục, đến đấy, cũng tuyết tan băng tiêu. Đi khỏi một chàn hoa thời ruộn

nương lúa mạ đủ cả ; thôn lạc cũng không xa. Cột sắt lưới sắt khắp mọi nơi, chỗ thấp chỗ cao ; khí-hậu toàn như ở Bắc-kỳ ta trong mấy tháng về mùa xuân. Nhớ khi ở nhà còn trẻ con, thường nghe nói nhiều truyện thần-tiên ; quả có, thời tất khoảng này hẳn ! Xuốt các người cùng đi đều mừng sướng ngờ lạ, phân-minh thân đến chỗ Bồng-đảo. Một lúc, thấy thôn-dân kéo nhau ra xem đông, trông như cũng về giống người trắng, mà lắm người mặt mũi anh-tú, nghe nói cũng là tiếng anglais mà nói hơi khó nghe. Trong có một ông già, ăn mặc ra một cách tôn trọng, đứng hỏi rằng :

« — Các ông ở đâu đến ?

Khách (1) : — Chúng tôi từ Alaska.

— Đấy có là về đất Mỹ-châu không ?

— Thưa phải. »

Ông già ấy nhàu mời cả về chỗ ở. Đến thôn, trong thôn không có một cây gì, nhà ở theo nhau có hàng-ngũ. Qua mấy thôn, đến một chỗ, dinh thự mênh-mông, lâu đài cao nhớn, có mấy người đàn bà con gái ra đứng xem, nước da trắng đẹp lạ thường, thần-thái phong-độ đều khác tuyệt trần-thế. Đến đấy, ông già mời cả vào, các người theo xem vào đông cả. Ngồi song, pha nước uống. Chủ-nhân (2) nói :

— Tôi là Thống-trưởng ở nơi này, nhận chức đã hơn hai mươi năm nay,

Khách : - Chúng tôi thật chưa được biết đây là nơi nào.

— Thế các ngài là người Âu-châu ? hay Mỹ-châu ?

— Trong bọn chúng tôi có mấy người Âu, mấy người Mỹ, còn mấy người ở xứ khác, »

Quan Bác-sĩ lại nói :

— Tôi là người ở Hoa-Kỳ.

Quan Thống-trưởng nghe song, tựa như không hiểu, ngây mặt hỏi :

— Hoa-Kỳ . . . về nơi nào ?

— Ở một phần phía nam châu Bắc-Mỹ.

Ngài cũng vẫn như thể không hiểu, rồi nói :

— Chúng tôi, tổ-tích nguyên cũng là người ở Mỹ-châu. Lịch cũ, 1770, tổ tiên chúng tôi dận nước Anh xử đãi một cách hà-khắc, nhân dủ nhau hơn 100 người và đem thêm người giống đỏ hơn 200 cùng đi. Lạ thay ! sự đi ấy không hướng-định là đi đâu, rồi đưa nhau lên bể Bắc-băng-dương, chống nhau với khí lạnh, đánh nhau với thú dữ, trăm nguy vạn khổ mà mới tìm được đến chỗ cù-lao này ; sau nhân lấy chỗ cù-lao này làm *Cõi-đời-mới* (Tân thế-giới) ; còn các phương đất khác trong thế-gian, gọi cả là *Cõi-đời-cũ* (Cựu thế-giới). Lịch cũng theo lịch mới, tính từ năm ở Mỹ-châu đứng dậy đi đến nay là năm thứ 153. Các sự-thể công-việc trong thế-gian, từ lịch cũ 1770 giở về trước, tổ-tiên có làm ra sử-ký để lại cả. Còn từ nửa năm ấy về sau đến nay, không biết tình-trạng Cõi-đời-cũ ra làm sao ?

Khách nghe song, cùng trông nhau lấy làm một sự rất mới lạ. Quan Bác-sĩ nhân lược kể từ khi ông Georges-Washington (Hoa-thịnh-đốn) đến nay, công-việc địa-vị của nước Mỹ và tình-trạng trong doanh-hoàn. Quan Thống-trưởng và đông khắp mọi người đứng xem cùng lắng tai nghe song, cũng lại đều cùng nhau ngậm-ngùi, ngẩn-ngơ, như bừng qua một giấc chiêm-bao vậy. Một lúc lâu, các người xem lui tan ; chủ-nhân mời khách đến buồng ăn. Trong bữa ăn, đại-lược cũng như dưới ta. Đồ ăn thịt thời lấy một vị *vịt giời* làm nhất, rồi đến *cầy*, *cúi* và mấy thứ *cá* ; còn như gà, lợn, bò, dê, nhất-thiết không có cả.

Ăn song, khách lại hỏi rằng :

— Dưới chúng tôi vẫn cho là ở giải lạnh gần hai cực thời băng tuyết quanh năm, không có cây cỏ gì mọc được, cho nên không có người ở, không ngờ ngày nay lên đến đây, không khác dưới kia mấy. Không hiểu là vì sao ?

Thống-trưởng :

— Dưới các ngài nghĩ cho là thế, là lấy vì trên này xa mặt giời, cho nên không có khí nóng tiếp đến chăng ?

— Phải.

(1) Đây giở xuống chép chữ *khách*, hoặc là quan Bác-sĩ, hoặc là người khác trong bọn đi, hoặc cả bọn.

(2) Đây về sau chép *chủ-nhân*, hoặc *Thống-trưởng*, đều tức là ông già ấy.

— Vẫn thế ; nhưng các ngài lại phải biết rằng : phàm giống sinh-vật gì đã sinh-sản ra ở đâu, thời tất tự chỗ ấy phải có đủ các nhẽ cho có thể sinh-sản. Nguyên tổ-tiên chúng tôi mới đến đây khi trước, tiếng rằng tìm được chỗ có đất, nhưng xuống một cái cù-lao bằng đất ấy, chỉ tuyết cùng băng. Khi ấy phải đào hầm để ở, nhờ sự săn-bắn mới có ăn. Vẫn có mang nhiều các thức hột giống giữ kín không-khí ở trong các hòm sắt, nhưng chưa tính được thế giồng. Đành chịu khốn-khổ hơn 20 năm, hết sức óc mà sau mới nghĩ được một cách *lấy khí nóng ở tim đất*. Từ lúc đã nghĩ được một cách lấy khí nóng ấy, lại mất công-trình 10 năm nữa mới thành hiệu. Khi đã thành hiệu thời khí-hậu ấm, băng tuyết tan, gieo lúa mạ và các thứ cây quả sinh trưởng như ý cả. Từ đấy mới xoay làm nhà lên đất để ở. Sau, các thức cây cối rau cỏ, không giồng mà tự mọc cũng nhiều. Nay những các cột sắt, lưới sắt, chăng khắp mọi nơi, đều là những vật để truyền khí nóng cả. Vậy thời trong một quả đất đã đủ hết các nhẽ cho vạn vật đủ sinh nở ; trong vạn vật, giống người là chủ-tể, phải nên xét hết các nhẽ sinh nở ấy mà gây nên cõi đời. Nếu chỉ trông nhờ vào một cái mặt giời xa tuyệt ấy, thời cái mặt giời ấy hoặc lạnh đi, hoặc rơi mất, chẳng cũng nguy lắm thay ?!

— Ừ, một sự lấy khí nóng ở tim đất, chúng tôi thật đã chịu ; nhưng ngài bảo muốn toàn không nhờ đến mặt giời, thời ánh sáng làm sao cho đủ dùng ?

— Đó là các ngài quen một cái tính nương nhờ, cho nên nghĩ thấy thế, chớ cái ấy cũng chưa chắc đã là khó. Ở chúng tôi trên này, nửa năm về phần ngày, nửa năm về phần đêm. Nửa năm về phần ngày thời sẵn có ánh sáng của mặt giời thật ; còn nửa năm về phần đêm, mặt giời đâu mà nhờ ? Vì thế, phải hết lòng suy nghĩ, chế ra được một thứ kính, đeo vào thời trông ra như sáng giăng, nghĩa là sức sáng bằng mặt giăng ; nhân gọi là *kính giăng*, trông xa rõ được 1 mille (1. 000m). Chẳng thế thời trong mấy tháng Nam-cực quay hướng về mặt giời, người chỗ cù-lao này dẫu có tức nữa mà kiện ai? Nay chúng tôi còn đương nghĩ chế một thứ kính, sức sáng gấp hơn nữa, sao cho trông đêm như ban ngày, thời gọi là *kính mặt giời* ; nhưng chưa biết có thể đến lúc nào xuất-hiện được không ? Nếu có thể đến lúc nào xuất-hiện được, thời khi ấy thật không phải phiền lụy đến mặt giời chút nào, mà một vùng thái-dương, ánh sáng và khí nóng, xin nhường cả cho người ở dưới Cõi-đời-cũ.

Các ông khách khi còn ở nhà, dẫu không là tự-phụ, thật cũng đều để mình vào một ảng người văn-minh. Nay chợt nghe mấy câu truyện của chủ-nhân, mới như Hà-bá ra đến bể ! Nhiều ông ngỏ ý muốn ở lại để học các sự tiến-hóa mới. Chủ-nhân nói :

— Phàm nhẽ tiến-hóa trong đàn người, sự gì một người đã nghĩ đến, tất người khác cũng có thể nghĩ đến. Nay cũng bấy để các ông phải dùng đến sức óc ít nhiều, tự mình có công-phu, lúc hưởng-thụ mới có vị. Vậy xin khi nào các ông về, sẽ biếu mỗi ông một đôi kính giăng ; gọi là của đi chơi đem về từ nơi Cõi-đời-mới. »

Quan Thống-trưởng nói song, thân đứng dậy đưa khách đến nhà nghỉ. Qua mấy giẫy hành-lang, đến một cái nhà lầu ; thoạt mới trông, kỳ tuyệt ! *Thân nhà thuần một chất pha lê, như một khối pha-lê tạc thành một hình động trăm sắc.* Bước vào trong đi lên, có nhiều từng ; mỗi từng có nhiều phòng ; mỗi phòng một sắc riêng. Đứng trong một phòng nào, toàn hình hiện sắc ấy. Không không mà sắc sắc ! sắc sắc hay không không ! ? Khuất-khúc mê-ly, hồn tiêu mắt loạn. Đi qua các phòng khắp một lượt, rồi lên sân đỉnh chơi ; đứng trông xuống chung quanh, thu toàn cù-lao vào gương mắt : Thôn lạc ngói đỏ, ruộng nương nước bạc, cây rừng lá xanh, tròn ba vòng bọc quanh, như mặt quả rưa hấu bổ nửa. Lại lấy kính xa trông phóng ra ngoài cái cù-lao ấy, trên giời xanh, dưới băng trắng, hết tầm mắt không chút bụi trần. Than ôi ! tiếc cho các anh em nơi cố-hương, không được có cái hạnh-phúc mà cùng nhau chơi xem cái cảnh-trí này vậy ! Đứng chơi một lúc lâu, chủ-nhân mời xuống nghỉ. Trước hết đưa cả đến một cái phòng rộng, có bàn ghế, bầy

toàn cốc con đủ số uống và hai chai rượu nhớn, sắc xanh.

Chủ-nhân hỏi :

— Các ngài, mỗi ngài định ngủ trong mấy giờ đồng-hồ ?

Khách không hiểu là sao, không một người nào giả nhời.

Chủ-nhân lại nói :

Đây là thứ *thuốc ngủ*. Cái cốc này ba ngấn rưỡi, mỗi ngấn là liều cho một giờ. Ai định ngủ mấy giờ thời tùy ý dùng uống bấy nhiêu ngấn.

Rồi người định ngủ 3 giờ, người 4 giờ, người bốn giờ rưỡi ; Hiếu ta xin năm giờ. Uống song, chủ-nhân lui, khách đều tới mỗi người một phòng riêng. Khi đặt mình xuống thì ngủ ngay. Lúc tỉnh dậy, hoảng-nhiên ! dẫu chưa phải là thần-tiên, thật cũng đã có như câu thơ Đào-nguyên của ông Hàn Chào-châu rằng : « *cốt lãnh hồn thanh vô mộng-mị* ! » — Dậy, mở cửa buồng để đi ra, đã thấy có người hầu đứng bên cửa đợi sẵn. Hỏi các ông khách kia thời đã xuống trước cả dưới thềm đứng chơi đợi ; nhân theo xuống, lại cùng về nhà thường.

Bữa ăn song, ngài bảo sắp nhiều xe cùng đi chơi. Xe toàn nai kéo, đều không dùng giây cương. Đến chỗ ngã ba đường quặt nào, thấy ngài nói tiếng gì (.....), tự-nhiên các nai đều rẽ theo như ý. Khách lại lấy làm quái, tranh nhau hỏi về việc không hiểu ấy. Chủ-nhân nói :

— Ở đây hiếm người lắm, mà vật-súc ở trong nhà chỉ có một giống này, sai dùng đến luôn, cho nên tổ-tiên chúng tôi có xét ra tiếng của nó rồi dậy khắp mọi người, thời thấy tiện lợi lắm. Không những một sự kéo xe không dùng cương, mà muốn sai đi đâu, bảo việc gì, nhất thiết được như ý. Từ đấy các trẻ con sinh sau tự-nhiên quen hiểu ; đến nay, đứa trẻ mười tuổi giở lên, tiếng nai đều biết cả. Giống súc là vật để sai khiến, nếu không thông tiếng, sao cho được tiện dùng ? Cõi đời-cũ ở về những giải đất ấm, nực, các động-vật rất nhiều, tôi tưởng chắc đã nhiều nhà truyên-khoa giảng về y tiếng thú súc, mà không ngờ đến nay các ngài còn lấy sự đó làm câu hỏi.

Nghe song, khách ai nấy đều sợ mà thẹn. Đi mãi, qua nhiều thôn. Bao ngoài các thôn là ruộng, bao ngoài ruộng là các rừng cây. Đi cho đến một rừng. Rừng chia làm nhiều khu, khu giồng một thứ cây ; chỗ hai khu cách nhau đều có đường đi xe ; ngã tư đường có nhiều ghế ngồi nghỉ. Qua khu lê, một bên thời là cam, nghe có đông nhiều tiếng trẻ hát. Quan Thống-trưởng nói :

— Đây các rừng cây như nhau, mỗi rừng là thuộc về một thôn. Tiếng hát đấy là những trẻ con gái ở trong thôn đem thuốc đi trừ các sâu cam.

Ngài nói song thời đi vừa đến ngã tư đấy cùng nghỉ. Khách lại hỏi :

— À, còn như cách dân-cư, việc coi-trị ở trên này thế nào ?

Thống-trưởng : — Cái cù-lao này, tính tất cả phần mặt được 2400 milles carrés. Hiện số dân, giai gái già trẻ cộng 2213 người, cùng ở đông cả về phần giữa, đều có lưới khí. Nay các chỗ không ở đến, chưa có đặt lưới thời vẫn còn băng tuyết không kể, cứ đất ở hiện chia làm 20 khu, mỗi khu là của một thôn. Mỗi thôn đều cứ 15 nóc nhà giở lại, đều có một người để coi-sóc, là *Thôn-trưởng*. *Thống-trưởng* thời coi toàn cù-lao, cũng là tự trong hàng Thôn-trưởng bầu-cử lên. Còn khi bầu Thôn-trưởng thời toàn dân trong thôn, giai 13 tuổi, gái 16 tuổi giở lên, đều có quyền được bỏ vé. Một vé chính bằng hai vé phụ. Bầu song, mời các Thôn trưởng khác đến công-nhận, rồi lên trình Thống-trưởng định. Thống-trưởng và Thôn-trưởng, trừ phi có lỗi công, thời làm mãi xuốt đời.

— Vé chính, vé phụ là thế nào ?

— Dân đây, chia 5 thời 2 phần giống người trắng, 3 phần giống người đỏ, các thôn ở sau-sẻ đều nhau. Sự bầu-cử thì người giống trắng là vé chính, người giống đỏ là vé phụ Thôn-trưởng thời hoặc người giống trắng, hoặc người giống đỏ

đều có thể đứng làm, cứ theo vé bảo-cử Thống-trưởng thời chỉ riêng giống người trắng đứng làm mà thôi. Ấy là khoản-lệ từ xưa đến nay vẫn như thế ; nhưng gần nay sự hôn-giá thông đồng; sự chủng–tộc sau này thế cũng đến đồng-hóa, thời về sự bảo-cử, vé chính vé phụ sau này có nhẽ cũng xoá bỏ. Vả như hiện nay, cũng chỉ một sự đó có phân biệt ; còn như làm ăn hàng ngày trong một thôn thời phần khó nhọc, phần vui sướng đều nhau cả.

— Như thế nào ?

— Mỗi năm, các việc mùa màng, hoa quả, than củi, săn bắn, . . . các Thôn-trưởng liệu xuất dân trong thôn ra làm, giai, gái, già, trẻ, hạng nào đi hạng ấy, tùy sức mà cắt việc. Lại như một đôi khi có việc công trong cù-lao, như làm nhà học, nhà máy, khai mỏ, hay lập thêm thôn nào, các Thôn-trưởng đều phải xuất hết tráng-đinh trong thôn dẫn lên tại sở Thống-trưởng để ứng-dịch. Kể đại-lược về phần phải khó nhọc độ như thế ; còn cách ăn ở thời giản lắm : mỗi thôn có một sở bếp và nhà ăn, đến bữa, trừ hai vợ chồng ông Thôn-trưởng, còn thời xuất dân trong thôn, giai, gái, già, trẻ, đều đến tại nhà ăn, cũng hạng nào ngồi theo đi hạng ấy. Cho nên mỗi thôn 15 người, chỉ là chỗ đoàn-tụ riêng của bố mẹ, vợ chồng, con cái, mà không nhà nào có của riêng.

— Vậy thế, không có chợ búa gì cả ?

— Phải, thôn nào cũng thế cả, không có sự mua bán thời còn có chợ búa gì?

— Nếu thế cũng không có tiền bạc gì cả ?

— Phải, chỉ bởi có học sách thời biết rằng ở Cõi-đời-cũ có đặt ra một vật gọi là *tiền* dùng để mua bán ; nhưng cũng chỉ biết qua thế thôi, ở trường không nói đến, cho nên những trẻ con và một đôi người đàn bà kém học, nói đến *tiền* không biết là vật gì. Nhiều người dẫu có học mà giảng cho hiểu được nghĩa đồng tiền cũng khó lắm. »

Hết câu truyện ấy, 16 người khách đều vỗ tay đứng dậy mà cười, lấy làm một tình-cảnh rất có thú ; rồi về.

Khi khác, nhân bữa ăn, khách lại hỏi :

— Ở đây xem với Cõi đời-cũ thật hơn nhiều, nhưng động-vật thực-vật còn thiếu quá. Sao ngài không cho thông đi lại mua bán để đem các giống vật dưới ấy lên, chẳng tiện đủ hơn ư ?

Thống-trưởng. — Nguyên tổ-tiên chúng tôi có để lại một câu ước chung cho người sau ở cái cù-lao này rằng : « Thiết không nên tự mình giao-thông với người ở Cõi đời-cũ mà làm mất cái tinh-thần thiên-nhiên ở cái cù-lao này. » Vì thế, chúng tôi đến nay vẫn biết ở Cõi đời-cũ nhiều các giống động thực, mà phải giữ câu ước của tiên-tổ làm một cái then khóa rất hệ-trọng không khi nào dám buông, cũng chỉ là tham tiếc cái tự-do trong sạch, cái độc-lập thanh-nhàn là cái phúc riêng cho người ở phương Cõi-đời-mới. Kể từ ngày tổ-tiên mới đến đây đến nay, không có sự thiên-tai, không có sự địa-biến, không có sự trộm cướp, không có sự chiến-tranh, không có sự án-từ, không có sự kiện cáo, không có sự buôn danh bán lợi, không có câu thế-thái nhân-tình. Ngoài lo ăn lo dùng, chỉ truyên ý xuy cầu nhẽ tiến-hoá. Lắm khi xem sử-ký của tổ-tiên để lại, nói về tình-trạng Cõi-đời-cũ thời tưởng cho các người sinh vào trong chỗ túi-bụi ấy, ngày đêm hết sức óc để che-chống ứng-tiếp với việc đời chưa chắc đủ, còn đâu có thì giờ nhàn-rỗi, tư-tưởng trong sạch, mà khơi nguồn đắp nấm trong tinh-linh. Cho hay hơn cái ấy, phải kém cái khác, nghĩ cũng là nhẽ thường. Vả lại phàm các vật dùng của người ta, nguyên không có thời không là thiếu. Như các ngài ngày nay mới đến đây, chắc nhiều cái thấy thiếu ; còn như thân chúng tôi sinh-trưởng ở đất này, con mọt ăn cây, con run ăn đất, cũng tự lấy làm đủ, cần chi dám tham muốn những các vật xa lạ mà bỏ nhời ước cũ để làm mất cái thế-sản truyền lại 153 năm nay.

— Ngài nói cái ý không muốn giao-thông với người ở Cõi-đời-cũ thời xem ra lý thế hoặc có thế. Còn như bảo người ở Cõi đời-cũ sinh vào chỗ túi-bụi mà không học

Ai hay một giống người rất thua kém trong thế-giới, mà đâu cũng chèo nhanh chen trước bước văn-minh! Sự chính-trục dưới ta, không cứ nước nào, thường chia nhân-dân làm 4 hạng, là sĩ, nông, công, thương. Nay xem như ở đấy thời ai cũng là sĩ, là nông, là công mà không có dân thương. Quan Thống-trưởng đối với các bình-dân, tỉnh thân lễ dẫn, có giống như thiên Mân-phong trong kinh Thi nói khi-tượng vua và dân nước Mân. Các con gái mười bảy, mười tám tuổi, nước da và phong-cách đều tuyệt trần, mà trí khôn về trên sự tình-dục thời so với người Hà-nội ta hạng mười ba mười bốn tuổi còn kém xa. Trong khoảng bấy nhiêu lâu, dù ngồi nhà, dù ra đường, tai không nghe thấy ai có một tiếng than buồn, mắt không trông thấy ai có một hột lệ. Ruộng không có số, mỗi thôn có một giới-hạn riêng. Số đinh thời giai gái chia ra làm hai, mỗi bên lại chia làm 5 hạng: từ 12 tuổi giở xuống là một hạng, 13 đến 20 là một hạng, 21 đến 40 là một hạng, 41 đến 50 là một hạng, 51 giở lên là một hạng. Chia như thế là để tiện cho lúc cắt việc, mà không hạng nào có thuế thân. Lạ thay! muốn gọi là một nước, không phải rõ một nước; muốn gọi là một nhà, không phải rõ một nhà. Kể cũng chỉ gọi được ba tiếng «*Cõi-đời-mới.*» Nay muốn chép cho kỹ thời dẫu vài ba mươi tờ giấy không đủ; chép lược quá thời lại tiếc cho cái tinh-thần thể-cách chỗ Bồng-lai tiên-đảo ấy không toàn-nhiên hiển-hiện ở nhân-gian. Nói rút lại một câu thời là trình-độ văn-minh đã như đến cuối quãng-đời (1) thứ 21 giở về sau, mà phong-vị uyển-nhiên ngày thái-cổ. Nỗi chìm bể khổ, ấy ai cánh bèo; yêu nhau cũng muốn mà theo, nợ trần lụy thế còn nhiều chưa song!

Khi sắp về, quan Thống-trưởng lấy cho mỗi người một đôi kính và tự nói mấy câu truyện rằng:

— Kể từ tổ tôa lên ở đây, con cháu đến nay không được biết chỗ quê cha đất tổ ra làm sao; dẫu ăn yên ở vui, cũng lắm khi trông đầu về phương Nam, tấc lòng ngùi nhớ. Nay không ngờ lại được các ngài từ đất nước cũ lên chơi như thế này, thật là một sự đoàn-tụ cùng nhau trong giấc mộng. Duy hơi e-lệ chỏ một phương cù-lao này từ nay mà về sau, chắc không lại giữ được cái tinh-thần cảnh-tượng như từ nay giở về trước; nhưng thôi cũng là cơ giời đến lúc đã mở ngõ, thời ý người cũng khó thể lại che đạy, thời tôi cũng không dám phiền dặn các ông đừng đem nói truyện với người ngoài.

Lúc đứng dậy ra đi, Ngài đã bảo trước sắp nhiều xe cùng ra tiễn. Quan Thống-trưởng, các ông Thôn-trưởng, các bình-dân, người giống trắng, người giống đỏ, đàn ông, đàn bà, người già, trẻ con cùng đi đông, số xe không biết là bao nhiêu. Đi hết cánh rừng thông, chủ-nhân giở lại cả Từ đấy, Lưu Nguyễn về Trần, Thai Bồng xa cách; chẳng hay du-khách, sau này có ai?

Nguyễn-khắc-Hiếu

(1) Người Tây lấy 100 năm làm một siècle, tính từ năm ông Jésus Christ giáng sinh; chữ Tàu dịch là *thế-kỷ*, đây tạm dịch là *quãng đời*. Theo lịch tây thời thế-giới hiện đương ở quãng đời thứ 20.

Kính cáo

Gần đây nhiều ngài hỏi mua báo mà báo gửi bắt đầu từ 1er Janvier 1927 Vậy Bản-chí xin thưa rằng: vì Bản-chí ra không được đúng tháng, cho nên không thể gửi theo như thế được. Ngài nào muốn lấy từ số đầu, hoặc từ số thứ mấy, xin cho biết rõ. Bản-chí sẽ xin gửi hầu.

An-Nam tạp chí

Chẳng những thế mà thôi, cụ đã hiểm mà cụ lại quyệt, cụ lại mưu với các nhà trạm, các nhà điện-báo trong phủ, để tắc thư-từ ngôn-luận của dân-gian, cách hành-động của cụ như thế, thiệt là khôn-ngoan cũng ít có vậy

Ôi, cụ ở phủ chúng tôi vài năm nay cụ làm biết bao thủ-đoạn rã-man truyên chế, biết bao chính-sách tham tàn độc dữ dân chúng tôi nào là nát xương mòn thịt, nào là hao tài tốn của, huyết-mạch đã hết; sinh-khí không còn, còn mong gì có ngày sống xót với quốc-dân Nam-Việt nữa! Trách vì dân ngu chỉ đem cao-huyết mình cho Ngài sơi mãi, thì dân mình huyết-tuyền đừng cạn hết hay sao? Tôi mong rằng Chính-phủ là đèn giời soi thấu dân chúng tôi là nơi thâm-sơn cùng-cốc này, mà thăng quan cụ lên Thiên đường đi, thì dân chúng tôi mới thoát khỏi vòng địa-ngục vậy.

Ôi! cũng là cụ Phan cả, cũng là giang sơn chung anh dục tú cả, sao hai cụ Phan cũ thì như thế, mà cụ Phan mới này sao lại như thế? — Hay là cụ Phan mới này hấp-thụ riêng lấy cái thán-khí bã cặn của sông Lam núi Hồng hay sao? — Tôi mong rằng có lắm bực người như hai cụ Phan cũ, mà cụ Phan mới này thiệt không nên mở mặt mà đứng vào trong xã-hội ngày nay vậy. Hai cụ Phan cũ đã hi-sinh thân thế với vận-mệnh giang-sơn chủng-tộc, thì tôi chỉ mong rằng cụ Phan mới này cũng nên hi-sinh đời người của cụ với Diêm-vương Hà-bá để cho dân chúng tôi được thăng-siêu lên cõi bồng-lai tiên-cảnh vậy. Cụ Phan mới nghĩ sao?

Một người dân phủ Anh-sơn lai cảo

Cảm đề

Thái-bình chưa rướch tiếng kêu oan,
Lại tiếng kêu giời ở Nghệ an!
Một phủ Anh-sơn trong mấy tháng,
Mà tay Phan-tử lấy ba ngàn!
Cũng phường dối nước, quân ăn cắp!
Cũng lũ tàn dân, giống hại dân!
Lạnh lẽo hơi sương tòa Tạp-chí,
Lệ ai dàn-dụa với giang san.

Tản-Đà

Một lá thư của dân huyện Thanh-Chương tỉnh Nghệ-An

Mới cuối tháng Décembre trước, tiếp bài lai-cảo của người phủ Anh-Sơn tỉnh Nghệ-An, đăng như trên đây: sang đầu tháng Janvier này, lại tiếp luôn một lá thư của dân huyện Thanh-Chương, tỉnh Nghệ-An, cũng một nhời ca thán như thế. Lá thư sau đây, thực là của dân chúng ít học, cho nên không biết cách viết thư, không có đề ngày tháng gì và cũng không có chấm câu gì cả. Nay lược y nguyên-văn đăng tải, để trên thấu đến chánh-phủ Bảo-hộ, dưới ngỏ cùng độc-giả chư-tôn. Mong rằng Chánh-phủ xét đến chỗ lại tệ dân tình mà tìm phương cứu chữa; các quân-tử có bụng ưu thời ái quốc, cần nên để ý đến chốn thôn-quê vậy.

An-Nam tạp-chí

***

Kính thưa ông chủ-bút An-Nam Tạp-Chí kính thưa ông: dân chúng tôi có lời xin chúc quí-báo ngày ngày gõ mõ rung chuông, khai dân-chí Việt-Nam và chừ những thói tham ô thời dân Việt-Nam sau này cũng có nền hạnh phúc.

Nay dân chúng tôi ở thuộc về tỉnh Nghệ-An, huyện Thanh-Chương mà bị phải một ông quan Huyện tên là *Nguyễn-Toại* lên ngồi trị hạt chúng tôi đã vài ba năm nay mà dân sự chỉ chịu bề nguy hiểm và trong dân lại có những phường dơ nhớp làm việc cũng vừa theo ông mà làm chó săn hươu để ức hiếp dân thiệt là khốn khổ từ ngày ông mới tới Huyện chúng tôi thời tiếng đồn nhà ông giầu bầy tám trăm mẫu ruộng dân chúng tôi đã mừng thầm tưởng là ông làm việc chính đáng ai ngờ ông làm những việc lôi thôi như sau này: Từ ngày ông mới

lại như thế, để dân chúng cùng biết, và xin chúc cho khắp nhân-dân trong hạt huyện đều được khang ninh.

An-Nam tạp-chí
Chủ-nhân
Tản-Đà Nguyễn-hắc-Hiếu
Kính đáp

Một con có năm cha

Bài này, cứ một đoạn trên, là thể văn ở trong báo hằng ngày, không hợp đăng lên ở Tạp-chí ; duy câu truyện và phần nghị luận ở dưới, thực có quan-hệ thống-thiết đến phong-hóa, cho nên trích-lục làm gương.

An-Nam tạp-chí

« Tại nhà Bảo-sản bà N. T. N. ở Huế, mới rồi có sảy ra một truyện khiến cho ai nghe đến cũng ôm bụng phì cười, tắc lưỡi lắc đầu, chê bai không xiết, thế thì cái truyện ấy ký-giả thuật ra đây, tưởng có thể cùng độc-giả vui mắt trong đôi hồi vậy.

Số là một cô thiếu-nữ con một ông thầu-khoán kia, nhà giầu có, lại có tánh mộ Phật-giáo, nên trong nhà có thiết ban thờ Phật, lại có nuôi một vị sư để tụng - niệm xuốt năm. Ông sư này nào có phải già-cả sóm-sém như ai, chính một vị sư mắt sáng như đèn, răng trắng tợ ngọc, có đạo-mạo thanh cao như ngành mai điểm tuyết, có tinh-thần đạm-bạc như ánh trúc vương mây, cái phong-tư đã dường ấy, lại có cái thanh âm tuyệt kỳ, giọng tụng kinh trong vắt như tiếng hạc từng mây, hòa với tiếng mõ tiếng chuông, khi bổng khi trầm, khiến người nghe cũng êm tai khỏi não.

Nam-mô A-di-đà-phật, Phật còn có Độ-hận bồ đề, Khiển-tình-long-nữ, huống-hồ, là thầy ; có lẽ bởi cớ ấy mà thầy nghĩ lầm tưởng cô con gái nhà chủ là Độ - hận, là Khiển-tình đó, cho nên lâu nay thầy độ thế nào không biết mà nay cô đã kết thành một cái bồ-đề, đến ngày tuổi gái cập kê, có nhà vấn-tự, cha mẹ cô đã đành gả, cô chẳng chịu, cứ khư khư với người áo mực mà bỏ hẳn mối tơ hồng, để cho sinh sự lôi-thôi, thân đến chốn tụng-đình, đã trải bao sỉ nhục, song cô chẳng chịu nghe lời giáo-huấn, quên cả luật-phép, đành bỏ chồng mà theo gã sư ông.

Được ít lâu, cha mẹ từ bỏ, cô có bao nhiêu nữ-trang tư riêng đều cúng cho anh đầu trọc. Nay đến ngày khai hoa nở nhị thì kẻ tu-hành đã nghĩ rằng sự xả thân cầu đạo mà nay được chút phước dư là chút con đỏ đã sinh ra đó, nên được tin lật-đật đến nơi nhà bảo-sản để thăm con ; ai ngờ khi đến nhà bảo - sản, vào trong phòng đẻ thì đã thấy ngồi đó bốn vị, nào là thầy thông, thầy ký, ông thầu-khoán, cậu học-trò. Trước còn tưởng là bốn vị ấy là bà con cùng cô, sau hỏi ra mới biết rằng không phải, té ra bốn vị ấy toàn là người đi đến thăm con cả.

Ối chao ôi ! con có một, sao đến năm cha đến thăm, thế thì biết ai là cha ruột ? ai là cha ghẻ ? biết ai là cha đẻ ? ai là cha nuôi ? mà xem cái cảm-tình của năm vị đó thì vị nào cũng là cha ruột cả. Ấy thế, ai nghe đến lại chẳng buồn cười. Ôi, sách có chữ « *tam phụ bát mẫu,* » song chữ *tam phụ* ấy là nghĩa mượn, chớ không phải là nghĩa thật, nghĩa là người dậy dỗ cho nên thân cũng là cha, mà những người cúc-dục trong khi rủi-ro thiệt - thòi thì cũng gọi là « tam phụ bát mẫu ». Ngày nay lại có đến « ngũ phụ nhất mẫu » mà toàn là cha mẹ thật cả, thì đứa bé ấy ngày sau có lẽ là một đứa con của xã-hội chung đó chăng ?

Than ôi ! trong lúc luân - thường đổ nát, trong xã-hội lắm điều ngổn-ngang, xem qua một truyện này cũng nên buồn cười mà cũng nên tỉnh-ngộ. Buồn cười là cười truyện trớ-trêu, không ngờ mà có ; mà tỉnh-ngộ là tỉnh-ngộ sự tu-hành là khó được chơn - tu. Khuyên cùng những nhà có mộ đạo, thì mộ ở lòng cũng là đủ. " Thờ cha kính mẹ " tức là tu ; hà-tất phải lễ Phật hành hương, mới là đắc đạo ; can chi phải lập am rước sãi, cho sinh truyện lôi-thôi.

Phật là đại từ-bi, song cũng là đại-hùng đại-lực. Những kẻ tu-hành chân-tánh, nên xét kỹ mà kính mà nhường ; còn những bọn gian-ni ác - tăng như lão trọc này thì nên trừ nên khử. »

CÔNG-LUẬN

trọng nghề thực-nghiệp, vì nghề thực-nghiệp có tự-do, có lợi-lộc, hơn đi làm việc quan, và nghề thực-nghiệp là đáng kính đáng trọng, chứ quốc-dân không hư như xưa mà xem khinh xem thường nữa.

Kể qua loa chương-trình của hội như vậy, thực đã bao-la rộng-rãi, công việc rất khó, rất trọng, nhưng có ích lợi chung cho nước, nên chúng tôi chắc rằng Ngài cũng đồng trí, mà hiệp-lực với chúng tôi làm thành công-quả, quên được các sự khó-khăn ban đầu, thì thực là may cho tiền-đồ thực-nghiệp lắm lắm.

Xưa kia ta không biết chuộng về đường thực-nghiệp, nên chi thực-nghiệp nước ta mỗi ngày một thấp kém, quốc dân ta vẫn biết vậy, nên có lòng mong mỏi có một hội nào ra đời để chấn-hưng thực-nghiệp. Nếu hội ái-hữu ta lập thành, thì rất hợp thời, tất là quốc-dân ta giao-phó cho ta một cái nghĩa-vụ ích chung mà ta dám đảm nhận, thật danh giá cho ta biết đường nào vậy.

Các Ngài là nhà thực-nghiệp không nên vội nói rằng : « Thực-nghiệp không cần ái-hữu », xin hãy nghĩ rằng cái sự cần có ái-hữu không trực-tiếp với sự lợi hại riêng của Ngài, nhưng thật là có ích chung cho đoàn-thể.

Vậy đến ngày nào các nhà thực-nghiệp ta đã dùng hết trí lực mà chiếm được một địa-vị trên thị-trường vạn-quốc, đến ngày nào ta đã có nhiều công-ty thương-mại kỹ-nghệ lớn lao, đến ngày nào người ngoại-quốc không nói được rằng dân Annam không biết làm thực-nghiệp, không cả gan toan việc lớn, thì ngày ấy ta sẽ nói được rằng ta đã làm xứng đáng cái nghĩa-vụ của ta đối với nước ta vậy.

Các Ngài đồng-bào ơi ! xin đừng cân nhắc. Các ngài vào hội ái-hữu, ấy là làm một việc nghĩa-vụ của các Ngài đấy.

Hiện nay quan Thống-sứ Bắc-kỳ đã duyệt-y bản điều-lệ và cho phép lập hội. Chúng tôi dự định trung tuần tháng giêng tây này sẽ lập đại-hội-đồng thành-lập ; vậy ngài nào có đồng-trí với chúng tôi và muốn vào hội ái-hữu ấy thì xin viết ngay thư cho ông Sơn-xuân-Hoan (Quảng-Hưng-Long, Hanoi) để kê vào sổ hội-viên sáng-lập và tiện mời đến dự kỳ đại-hội-đồng lần đầu.

Nay kính đạt

HỘI LIÊN-HIỆP NÔNG CÔNG THƯƠNG

Sách mới xuất bản

I — Gương Thiếu-Niên *(quyển thứ hai) của MM.* Phạm-Dật-Công *và* Phạm-Mộn-Tiên *đã xuất-bản là một quyển tiểu-thuyết có ích cho thiếu-niên ta, sách giấy 44 trang, giá* 0$10, *in tại Vĩnh-Thành công-ty Hanoi.*

II — Bưu-Điện Tàn-Lệ, *của MM.* Mai-Ngọc-Phương *và* Đỗ-Đình-Lương *soạn, là một quyển sách có ích cho mọi người, ai cũng cần phải biết để giao-dịch với nhà Giây-thép, giá* 0$60, *in tại Long-Quang Ấn Quán Hanoi.*

III — Sóng-hồ-ba bể, *là một cuốn tiểu-thuyết của ông* Phạm-Bùi-Cầm *soạn, Nam-Đồng-Thư-Xã xuất-bản, sách giấy 80 trang, giá* 0$25, *in tại Nghiêm-Hàm Ấn Quán Hanoi.*

IV — Ba người ngự lâm pháo thủ (Les trois mouquetaires) *của* Dịch Văn-Thư-Xã *mới xuất-bản, mục-đích là để truyền-bá tư-tưởng Âu Tây, sách này sáng lập bởi Quan Thống sứ* R.Robin, *dịch ra Quốc-âm do MM.* Vayrac *và* Nguyễn-văn-Vĩnh, *sách bỏ túi được, giấy 70 trang giá* 0$05 *một quyển.*

V — Túp lều tranh *là một cuốn triết-học tiểu-thuyết của ông* Vũ-Công-Nghi *dịch-thuật, sách giấy 22 trang, giá* 0$15, *ông* Nguyễn-Ngọc-Tâm *xuất bản và in tại Long-Quang Ấn-Quán Hanoi.*

VI Cầm ca tân điệu, *là một quyển có các bài đờn và bài ca đờn nguyệt đều theo điệu cải-lương, của MM.* Lê-văn-Liếng *và* Trần-Phong-Sắc *diễn ra, sách giấy 147 trang, giá* 1$00, *in tại nhà in J. Viết Saigon.*

LỆ NHẬN BÁN LẺ

Các Hiệu sách ở các tỉnh, Hiệu nào nhận bán lẻ cho Bản-chí, xin tính tiền hoa-hồng 10%. Cứ mỗi cuối tháng tây, gửi giả mandat và những quyển Tạp-chí còn lại. Bản-chí lại gửi theo những số về tháng sau.

Các cước-phí khứ hồi, về Bản-chí nhận chịu.

AN-NAM TẠP-CHÍ

QUẢNG CÁO

Giá quảng-cáo định trước nay bỏ đi; bắt đầu từ nay, Ngài nào muốn đăng việc gì ít nhiều kỳ, xin cứ *gửi tiền về, Bản-chí sẽ lượng đăng lấn vào cuối bài, ở* những chỗ còn thừa giấy trắng.

An-Nam Tap-chi